



**BỘ XÂY DỰNG  
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

**THÔNG TIN**

**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

**23**

**Tháng 12 - 2013**

# **Bộ Xây dựng và Tổng Công ty Đất đai và nhà ở Hàn Quốc ký Bản ghi nhớ hợp tác**

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2013



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng và Chủ tịch Công ty Đất đai và Nhà ở Hàn Quốc Lee Jae-yeong ký Bản ghi nhớ hợp tác



Các đại biểu tham dự Lễ ký

**THÔNG TIN  
XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG  
**MỖI THÁNG 2 KỶ**

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH  
**NĂM THỨ MƯỜI BỐN**

**23**

**SỐ 23- 12/2013**

## MỤC LỤC

### Văn bản quản lý

#### Văn bản các cơ quan TW

- Quyết định số 2211/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch quản lý chất thải rắn lưu vực sông Cầu đến năm 2020 5
- Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV của Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị 7

#### Văn bản của địa phương

- Quyết định số 22/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Bình về việc sửa đổi, bổ sung một số điều về Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 05/02/2010 của UBND tỉnh Quảng Bình 10
- Quyết định số 49/2013/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội 13
- Quyết định số 47/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Kon Tum quy định việc khai thác quỹ đất để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh Kon Tum 16



**TRUNG TÂM THÔNG TIN**

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

## CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

### Ban biên tập:

CN. NGUYỄN THỊ MINH HOA

(Trưởng ban)

CN. BẠCH MINH TUẤN (Phó ban)

CN. ĐỖ KIM NHẬN

CN. BÙI QUỲNH ANH

CN. TRẦN THU HUYỀN

CN. NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

CN. PHẠM KHÁNH LY

## Khoa học công nghệ xây dựng

- Hội nghị nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu đề xuất các tiêu chí đánh giá cấp chứng nhận công trình xanh” 18
- Nghiệm thu dự thảo tiêu chuẩn TCVN ...:2013 “Tro bay dùng cho bê tông, xi măng và vữa xây” 19
- Hội thảo “Vùng Thủ đô - Hiện trạng và tầm nhìn phát triển” 20
- Hội thảo khoa học “Quy hoạch xây dựng và quản lý cây xanh đường phố” 22
- Để cho các thành phố thay đổi theo hướng thông minh hơn 23
- Bê tông vi cốt thép sợi xoắn (HELIX) - Vật liệu vi composite nhiều ưu điểm nổi trội 25
- Quy hoạch lãnh thổ và vấn đề tái tạo năng lượng 26
- Các biện pháp và kỹ thuật nâng cao hiệu quả tiết kiệm năng lượng trong xây dựng 30

## Thông tin

- Bộ Xây dựng và Tổng Công ty Đất đai và nhà ở Hàn Quốc ký Bản ghi nhớ hợp tác 33
- Hội thảo Tổng kết, đánh giá 30 năm hợp tác phát triển giữa Phần Lan và Việt Nam trong lĩnh vực cấp thoát nước và vệ sinh môi trường 34
- Hội thảo Mô hình tiết kiệm nhà ở của CHLB Đức và kinh nghiệm cho Việt Nam 36
- Đối sách và định hướng phát triển giao thông nông thôn ở thành phố Tam Môn Hiệp, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc 38
- Khu Lịch Hạ, thành phố Tế Nam, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc: Đổi mới quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ vệ sinh môi trường 41
- Biện pháp dự phòng khe nứt thường gặp trong kết cấu bê tông cốt thép 43
- Xây dựng diện mạo đô thị là nội dung quan trọng của đô thị hóa kiểu mới 45

## VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

### **Quyết định số 2211/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch quản lý chất thải rắn lưu vực sông Cầu đến năm 2020**

Ngày 14/11/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2211/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch quản lý chất thải rắn (CTR) lưu vực sông Cầu đến năm 2020 với quan điểm: Phù hợp với các Quy hoạch và Đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quy hoạch quản lý CTR lưu vực sông Cầu được lập trên cơ sở từng bước đóng cửa các bãi chôn lấp CTR không hợp vệ sinh và quá tải, bảo đảm giải quyết ô nhiễm môi trường, phát triển bền vững, xây dựng đồng bộ các khu xử lý CTR cấp vùng tỉnh và hệ thống thu gom, vận chuyển phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương; CTR phải được phân loại tại nguồn, việc thu gom, tái sử dụng, tái chế được ưu tiên xử lý bằng công nghệ tiên tiến, phù hợp, hạn chế tối đa việc chôn lấp CTR nhằm tiết kiệm tài nguyên đất và bảo vệ môi trường, CTR nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định bảo đảm không phát tán ra môi trường; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng và quản lý các hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý CTR.

Theo Quyết định này, mục tiêu của quy hoạch bao gồm: Cụ thể hóa Đề án tổng thể bảo vệ và phát triển bền vững môi trường sinh thái, cảnh quan lưu vực sông Cầu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 174/2006/QĐ-TTg ngày 28/7/2006; dự báo tổng lượng CTR phát sinh, xác định phương thức phân loại, thu gom, vận chuyển CTR, xác định các khu xử lý CTR vùng tỉnh và phạm vi phục vụ đáp ứng nhu cầu xử lý CTR cho lưu vực sông Cầu; nâng cao hiệu quả quản lý tổng hợp CTR, cải thiện chất lượng môi trường, bảo đảm

sức khỏe cộng đồng, phát triển bền vững trong lưu vực; làm cơ sở cho việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng khu xử lý CTR trên địa bàn các tỉnh thuộc lưu vực sông Cầu.

Các chỉ tiêu tính toán quy hoạch căn cứ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành. Dự kiến tỉ lệ thu gom và xử lý CTR đến năm 2020 của các tỉnh thuộc lưu vực sông Cầu như sau: Tỉ lệ thu gom và xử lý CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp, CTR làng nghề, CTR xây dựng lần lượt là 90 - 100%, 90 - 100%, 80 - 100%, 80 - 100%, 80 - 100%. Dự báo tổng lượng CTR phát sinh của các tỉnh trong lưu vực sông Cầu đến năm 2020 như sau: CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp, CTR làng nghề, CTR xây dựng, CTR nguy hại tại Bắc Kạn lần lượt là 190, 110, 65, 20 và 35 tấn/ngày, tại Thái Nguyên lần lượt là 990, 920, 760, 95 và 315 tấn/ngày, tại Vĩnh Phúc lần lượt là 800, 1.390, 310, 80 và 395 tấn/ngày, tại Bắc Giang lần lượt là 800, 1.000, 440, 80 và 400 tấn/ngày, tại Bắc Ninh lần lượt là 1.430, 1.670, 420, 160 và 490 tấn/ngày, tại Hải Dương lần lượt là 200, 1.410, 65, 25 và 365 tấn/ngày.

Theo Quy hoạch này, thu gom, vận chuyển CTR được thực hiện theo phạm vi phục vụ của các khu xử lý CTR trên từng địa bàn. Phương thức phân loại, thu gom, vận chuyển CTR được lựa chọn phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, giao thông, địa hình đặc thù của khu vực và năng lực thu gom, vận chuyển của địa phương, đảm bảo các điều kiện vệ sinh môi trường. CTR thông thường từ các nguồn thải được phân loại tại nguồn thành các loại: chất thải hữu cơ (rau quả, thức ăn thừa...); chất thải vô cơ có thể tái

sử dụng, tái chế (giấy, nhựa, kim loại...) phù hợp với công nghệ xử lý CTR, tăng cường tái sử dụng CTR phát sinh nhằm hạn chế CTR phải xử lý. Về thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt, ở đô thị, CTR được thu gom hàng ngày từ nơi phát sinh tới các điểm tập kết, từ đó được vận chuyển đến khu xử lý CTR; ở khu dân cư nông thôn, thực hiện thu gom, vận chuyển CTR hàng ngày hoặc cách ngày đến điểm tập kết thôn, xã và được vận chuyển đến khu xử lý CTR cấp huyện hoặc thực hiện theo quy hoạch nông thôn mới đã được phê duyệt. Về thu gom, vận chuyển CTR công nghiệp, làng nghề, CTR được thu gom, vận chuyển từ trạm tập trung của các khu, cụm công nghiệp, điểm tập kết của các làng nghề hoặc trực tiếp từ cơ sở sản xuất đến các khu xử lý CTR vùng tỉnh theo quy hoạch. Về thu gom, vận chuyển CTR xây dựng, chủ đầu tư xây dựng công trình chịu trách nhiệm ký kết hợp đồng với các đơn vị có chức năng thực hiện thu gom, vận chuyển CTR xây dựng đến khu xử lý theo quy hoạch, đảm bảo các yêu cầu an toàn và vệ sinh môi trường. Về phân loại, thu gom, vận chuyển CTR nguy hại, CTR nguy hại từ các nguồn thải được phân loại, bảo quản, lưu giữ, thu gom, vận chuyển tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn vệ sinh môi trường, thực hiện theo quy định về quản lý CTR nguy hại; chủ nguồn thải phát sinh CTR nguy hại có trách nhiệm ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Quyết định này quy định khu xử lý CTR bố trí ở ngoài phạm vi đô thị, cuối hướng gió chính, cuối dòng chảy của sông, suối và phải được trồng cây xanh cách ly. Quy hoạch các khu xử lý CTR của các tỉnh thuộc lưu vực sông Cầu xác định 15 khu xử lý CTR vùng tỉnh như sau: Khu xử lý thị xã Bắc Kạn xử lý CTR sinh hoạt, xây dựng, CTR công nghiệp, CTR nguy hại cho thị xã Bắc Kạn, huyện Chợ Mới, Bạch Thông và toàn tỉnh Bắc Kạn; khu xử lý thành phố Thái Nguyên xử lý CTR sinh hoạt, xây dựng cho

thành phố Thái Nguyên; Khu xử lý huyện Đồng Hỷ xử lý CTR sinh hoạt, làng nghề, xây dựng cho huyện Đồng Hỷ và Võ Nhai, xử lý CTR công nghiệp, nguy hại cho các huyện Đồng Hỷ, Võ Nhai, Phú Lương, Định Hóa, Đại Từ; khu xử lý huyện Phổ Yên xử lý CTR sinh hoạt, làng nghề, xây dựng cho huyện Phổ Yên, xử lý CTR công nghiệp, nguy hại cho huyện Phổ Yên, thành phố Thái Nguyên và thị xã Sông Công; khu xử lý huyện Bình Xuyên xử lý CTR sinh hoạt, làng nghề, xây dựng cho huyện Bình Xuyên, thành phố Vĩnh Yên và thị xã Phúc Yên, xử lý CTR công nghiệp, nguy hại cho huyện Bình Xuyên, thành phố Vĩnh Yên và thị xã Phúc Yên; khu xử lý huyện Vĩnh Tường xử lý CTR sinh hoạt, làng nghề, xây dựng cho huyện Vĩnh Tường và huyện Yên Lạc, xử lý CTR công nghiệp, nguy hại cho huyện Vĩnh Tường, huyện Yên Lạc và các khu vực lân cận; khu xử lý huyện Tam Dương xử lý CTR sinh hoạt, xây dựng cho huyện Tam Dương, Lập Thạch, Sông Lô, Tam Đảo, xử lý CTR công nghiệp, nguy hại cho huyện Tam Dương, Lập Thạch, Sông Lô, Tam Đảo; khu xử lý thành phố Bắc Giang xử lý CTR sinh hoạt, làng nghề, xây dựng cho thành phố Bắc Giang; khu xử lý huyện Tân Yên xử lý CTR sinh hoạt, xây dựng cho huyện Tân Yên, xử lý CTR công nghiệp, nguy hại cho toàn tỉnh Bắc Giang; khu xử lý huyện Yên Dũng xử lý CTR sinh hoạt, làng nghề, xây dựng cho huyện Yên Dũng, xử lý CTR công nghiệp, nguy hại cho huyện Yên Dũng, Lạng Giang, Lục Nam; khu xử lý huyện Quế Võ xử lý CTR sinh hoạt, làng nghề và xây dựng cho các huyện thuộc khu vực phía Bắc sông Đuống, xử lý CTR sinh hoạt, làng nghề và xây dựng cho các huyện thuộc khu vực phía Nam sông Đuống, xử lý CTR công nghiệp, nguy hại cho các huyện phía Nam sông Đuống; khu xử lý huyện Cẩm Giàng xử lý CTR công nghiệp, nguy hại cho huyện Cẩm Giàng, Bình Giang; khu xử lý huyện Gia Lộc xử lý CTR công nghiệp, nguy hại cho huyện Gia Lộc, Tứ Kỳ, Ninh Giang, Thanh

Miền; khu xử lý huyện Thanh Hà xử lý CTR sinh hoạt, làng nghề và xây dựng cho thành phố Hải Dương, huyện Nam Sách, Kinh Môn, Thanh Hà, Kim Thành, xử lý CTR công nghiệp cho thành phố Hải Dương, thị xã Chí Linh, huyện Nam Sách, Kinh Môn, Thanh Hà, Kim Thành và xử lý CTR nguy hại cho toàn tỉnh Hải Dương.

Công nghệ xử lý CTR được lựa chọn phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội, khả năng phân loại, tính chất, thành phần CTR của từng địa phương. Công nghệ tái chế có sản phẩm phù hợp với thị trường tiêu thụ của mỗi địa phương. Ưu tiên các công nghệ trong nước, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường. Công nghệ áp dụng đối với CTR thông thường bao gồm: Công nghệ chế biến phân vi sinh, công nghệ đốt, công nghệ tái chế, công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh. Công nghệ áp dụng đối với CTR nguy hại bao gồm: Công nghệ xử lý lý hóa, công nghệ đốt, công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh...

Về đánh giá môi trường chiến lược, thu gom và xử lý CTR thông thường và nguy hại đảm bảo các yêu cầu vệ sinh môi trường. Xây dựng các khu xử lý CTR và áp dụng các công nghệ phù hợp để xử lý triệt để CTR, hạn chế, xóa bỏ các điểm tập kết và các bãi chôn lấp CTR không hợp vệ sinh nhằm giảm thiểu ô nhiễm và cải tạo môi trường trong lưu vực sông Cầu; góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng dân cư và sự phát triển bền vững của các đô thị, các khu

công nghiệp trong lưu vực sông Cầu.

Theo Quy hoạch này, các giải pháp giảm thiểu tác động đến môi trường bao gồm: Các giải pháp thiết kế, công nghệ hợp lý bảo đảm xử lý CTR theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường; xây dựng các biện pháp thi công giảm ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, tiếng ồn; các phương tiện vận chuyển, thi công cơ giới trên công trường và dọc tuyến đường vận chuyển; các biện pháp an toàn và phòng chống tai nạn, sự cố trong quá trình xây dựng; xây dựng và thực hiện đúng các quy định về thu gom, vận chuyển và vận hành khu xử lý CTR; các dự án khi triển khai phải thực hiện đánh giá tác động môi trường và các biện pháp hỗ trợ khác; thực hiện các biện pháp thu gom và xử lý khí thải, nước thải và khói bụi từ các khu xử lý, bãi chôn lấp CTR và các biện pháp giảm thiểu theo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt; xây dựng kế hoạch, chương trình quan trắc chất lượng môi trường không khí, mặt nước, nước ngầm và đất; cảnh báo các sự cố môi trường và đề xuất các giải pháp phòng chống giảm thiểu các ảnh hưởng xấu tới môi trường; nâng cao năng lực quản lý và vận hành các khu xử lý CTR.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))

**Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV  
của Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội  
dung của Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013  
của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị**

Ngày 21/11/2013, Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị (PTĐT).

Theo Thông tư này, trách nhiệm lập hồ sơ đề xuất khu vực PTĐT đối với khu vực PTĐT thuộc địa giới hành chính của 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: UBND cấp tỉnh giao Sở Xây dựng là cơ quan tổ chức lập Hồ sơ đề xuất khu vực PTĐT; trường hợp UBND cấp tỉnh đã

thành lập Ban Quản lý khu vực PTĐT để quản lý chung các khu vực PTĐT hoặc quản lý một số khu vực PTĐT và sẽ giao quản lý thêm khu vực PTĐT dự kiến thành lập, UBND cấp tỉnh giao Ban này tổ chức lập Hồ sơ đề xuất khu vực PTĐT. Trách nhiệm lập hồ sơ đề xuất khu vực PTĐT đối với PTĐT thuộc địa giới hành chính của 2 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên: Bộ Xây dựng là cơ quan chủ trì, phối hợp với UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan tổ chức lập Hồ sơ đề xuất khu vực PTĐT trình Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt theo quy định tại Điều 9 của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan giao Sở Xây dựng chủ trì phối hợp cung cấp thông tin, lập kế hoạch thực hiện phần khu vực PTĐT thuộc phạm vi quản lý và báo cáo Bộ Xây dựng để tổng hợp đưa vào kế hoạch thực hiện trong hồ sơ đề xuất khu vực PTĐT để trình phê duyệt theo quy định. Trách nhiệm thẩm định hồ sơ đề xuất khu vực PTĐT: Trường hợp khu vực PTĐT thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Xây dựng chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định tại Điều 9 của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP; trường hợp khu vực PTĐT thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh, Sở Xây dựng là cơ quan chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định để trình UBND cấp tỉnh phê duyệt.

Thông tư này quy định: Các bản vẽ trong hồ sơ đề xuất khu vực PTĐT được quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP bao gồm các bản vẽ sau đây: Bản vẽ khu vực PTĐT được thể hiện trên cơ sở Sơ đồ định hướng phát triển không gian của đồ án quy hoạch chung đô thị (hoặc đồ án quy hoạch chung khu chức năng chuyên biệt) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo tỉ lệ của bản đồ quy hoạch đã được phê duyệt, bản vẽ vị trí khu vực PTĐT cần thể hiện đủ các nội

dung: dự kiến phân bố các khu vực PTĐT (quy mô diện tích kèm theo ký hiệu màu sắc thể hiện thời hạn thực hiện của từng khu), vị trí khu vực PTĐT được đề xuất, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật có liên quan đến khu vực PTĐT đề xuất được xác định tại đồ án quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chung (trong trường hợp đô thị không cần lập quy hoạch phân khu hoặc khu vực có chức năng chuyên biệt); bản vẽ ranh giới khu vực PTĐT và phân đợt đầu tư được thể hiện trên cơ sở bản đồ quy hoạch tổng thể mặt bằng sử dụng đất của đồ án quy hoạch phân khu hoặc bản đồ quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng của đồ án quy hoạch chung (đối với các đô thị không cần lập quy hoạch phân khu và các khu vực PTĐT có chức năng chuyên biệt) theo đúng tỉ lệ của bản đồ quy hoạch đã được phê duyệt, bản vẽ ranh giới khu vực PTĐT và phân đợt đầu tư cần thể hiện đủ các nội dung sau: các mốc giới xác định giới hạn, phạm vi khu vực PTĐT (có tọa độ kèm theo), vị trí và ranh giới dự kiến các dự án trong khu vực PTĐT, phân đợt đầu tư được xác định theo kế hoạch thực hiện khu vực PTĐT (được thể hiện bằng các ký hiệu màu sắc), bảng tổng hợp danh mục dự án cùng với quy mô diện tích dự kiến của từng dự án.

Theo Thông tư này, khu vực PTĐT phải được định kỳ xem xét, rà soát, đánh giá quá trình thực hiện đầu tư xây dựng để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội và dự báo nhu cầu về PTĐT. Thời hạn rà soát định kỳ là 5 năm kể từ ngày khu vực PTĐT được phê duyệt. Sở Xây dựng chủ trì rà soát định kỳ việc thực hiện các khu vực PTĐT đã được phê duyệt của địa phương. Kết quả rà soát phải được báo cáo bằng văn bản về UBND cấp tỉnh, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khu vực PTĐT và Bộ Xây dựng. Căn cứ báo cáo kết quả rà soát quy định tại điều nêu trên, nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội và sự xuất hiện các yếu tố tác động đến quá trình PTĐT tại địa phương nếu thấy cần thiết, UBND cấp tỉnh giao



Sở Xây dựng hoặc Ban Quản lý khu vực PTĐT tổ chức lập hồ sơ đề xuất điều chỉnh khu vực PTĐT. Sau khi hồ sơ đề xuất điều chỉnh khu vực PTĐT được cấp có thẩm quyền phê duyệt, việc công bố khu vực PTĐT sau khi điều chỉnh thực hiện theo các quy định tại Điều 12 của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP.

Về việc thực hiện chuyển quyền sử dụng đất đã được đầu tư xây dựng hạ tầng cho người dân (hộ gia đình, cá nhân) tự xây dựng nhà ở, Thông tư này hướng dẫn: Tùy theo nhu cầu PTĐT, khả năng huy động các nguồn lực, đề xuất của chủ đầu tư, UBND cấp tỉnh quy định tại các khu vực được chuyển quyền sử dụng đất đã được đầu tư xây dựng hạ tầng cho người dân (hộ gia đình, cá nhân) tự xây dựng nhà ở, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng theo quy định tại Khoản 7 Điều 4 Nghị định số 11/2013/NĐ-CP. Các khu vực được thực hiện chuyển quyền sử dụng đất đã đầu tư xây dựng hạ tầng cho người dân tự xây dựng nhà ở có thể bao gồm một khu vực có nhiều dự án, một dự án hoặc một phần trong dự án. Việc xem xét quy định tại các khu vực được chuyển quyền sử dụng đất đã đầu tư xây dựng hạ tầng cho người dân tự xây dựng nhà ở phải đảm bảo các nguyên tắc cơ bản sau: Tuân thủ các quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị (quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết) và quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc của khu vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, an sinh xã hội và nhu cầu về nhà ở của địa phương; khu vực được thực hiện chuyển quyền sử dụng đất phải được đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu, bao gồm các công trình dịch vụ và các công trình hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông, các tuyến cấp điện, chiếu sáng, thông tin viễn thông, cấp thoát nước) theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt, đảm bảo kết nối với hệ thống hạ tầng chung của khu vực trước khi thực hiện việc chuyển quyền sử dụng đất cho người dân tự xây dựng nhà ở, đảm bảo cung cấp các

dịch vụ thiết yếu cho người dân khi đến ở; các lô đất được thực hiện chuyển quyền sử dụng đất để người dân tự xây dựng nhà ở không thuộc các vị trí sau: nằm trong địa bàn các quận nội thành của các đô thị loại đặc biệt, khu vực có yêu cầu cao về kiến trúc cảnh quan, khu vực trung tâm và xung quanh các công trình là điểm nhấn kiến trúc trong đô thị, nằm tại mặt tiền các tuyến đường cấp khu vực trở lên và các tuyến đường cảnh quan chính trong đô thị; hộ gia đình, cá nhân được chuyển quyền sử dụng đất để tự xây dựng nhà ở phải thực hiện việc xây dựng nhà ở theo đúng giấy phép xây dựng, tuân thủ quy hoạch chi tiết và thiết kế đô thị đã được phê duyệt.

Trên cơ sở xem xét nhu cầu PTĐT, khả năng huy động các nguồn lực và đề xuất của chủ đầu tư (nếu có), UBND cấp tỉnh giao Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các cơ quan quản lý có liên quan đề xuất các khu vực được thực hiện chuyển quyền sử dụng đất đã đầu tư xây dựng hạ tầng cho người dân tự xây dựng nhà ở (bao gồm: khu vực gồm nhiều dự án, dự án hoặc từng phần diện tích trong dự án đầu tư PTĐT) và chuẩn bị hồ sơ để UBND cấp tỉnh xem xét và gửi lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng.

Hồ sơ gửi lấy ý kiến của Bộ Xây dựng bao gồm: Công văn đề nghị cho ý kiến của UBND cấp tỉnh (trình bày rõ sự cần thiết và các căn cứ pháp lý của việc thực hiện chuyển quyền sử dụng đất đã đầu tư xây dựng hạ tầng để người dân tự xây dựng nhà ở) và các hồ sơ tài liệu có liên quan như sau: Đối với trường hợp đề xuất khu vực (gồm nhiều dự án), các hồ sơ tài liệu có liên quan bao gồm: hồ sơ thuyết minh và bản vẽ thu nhỏ của đồ án quy hoạch chung (đối với trường hợp không cần lập quy hoạch phân khu) hoặc đồ án quy hoạch phân khu liên quan, Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch, Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc của khu vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, sơ đồ vị trí, ranh giới khu vực dự kiến thực hiện chuyển

quyền sử dụng đất (thể hiện trên bản vẽ của hồ sơ đề xuất khu vực PTĐT), Quyết định phê duyệt khu vực PTĐT của cấp có thẩm quyền; đối với trường hợp các dự án đầu tư PTĐT được chấp thuận đầu tư theo quy định tại Nghị định số 11/2013/NĐ-CP, hồ sơ tài liệu có liên quan bao gồm: thuyết minh tóm tắt dự án, Hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết của dự án (có kèm theo thiết kế đô thị), Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đã được phê duyệt, Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc của khu vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các quyết định phê duyệt khu vực PTĐT có liên quan (tất cả các hồ sơ tài liệu nói trên là bản chụp có đóng dấu xác nhận của chủ đầu tư). Đối với trường hợp các dự án khu đô thị mới, dự án phát triển nhà ở đã được chấp thuận đầu tư trước ngày Nghị định số 11/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, hồ sơ tài liệu có liên quan bao gồm: thuyết minh tóm tắt dự án, hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết dự án tỉ lệ 1:500, quy định quản lý theo đồ án quy hoạch, các quyết định phê duyệt dự án, quyết định chấp thuận đầu tư. Đề xuất về các khu vực, dự án hoặc một phần của dự án dự kiến được thực hiện chuyển quyền sử dụng đất đã được đầu tư xây dựng hạ tầng cho người dân tự

xây dựng nhà ở có thể được lồng ghép vào nội dung của hồ sơ đề xuất khu vực PTĐT, hoặc hồ sơ đề xuất chấp thuận đầu tư dự án để Bộ Xây dựng kết hợp cho ý kiến trong quá trình thẩm định hoặc cho ý kiến thống nhất. Trách nhiệm giám sát, kiểm tra việc thực hiện chuyển quyền sử dụng đất đã đầu tư xây dựng hạ tầng cho người dân tự xây dựng nhà ở, cơ quan chuyên môn quản lý Nhà nước về xây dựng, tài nguyên môi trường ở địa phương, Ban Quản lý khu vực PTĐT và chủ đầu tư dự án có trách nhiệm giám sát, kiểm tra đảm bảo việc xây dựng nhà ở của người dân tuân thủ quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị của dự án đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật có liên quan.

Ngoài ra, Thông tư này còn quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý khu vực PTĐT, cơ chế phối hợp giữa Ban Quản lý khu vực PTĐT và Sở Xây dựng, các Sở chuyên ngành, các cơ quan quản lý hành chính nhà nước tại địa phương.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/01/2014.

(Xem toàn văn tại [www.moc.gov.vn](http://www.moc.gov.vn))

## VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

### **Quyết định số 22/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Bình về việc sửa đổi, bổ sung một số điều về Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 05/02/2010 của UBND tỉnh Quảng Bình**

Ngày 16/10/2013, UBND tỉnh Quảng Bình đã ban hành Quyết định số 22/2013/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung một số điều về Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh

Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 05/02/2010 của UBND tỉnh Quảng Bình.

Quyết định này đã sửa đổi Khoản 3, bổ sung Khoản 4 vào Điều 4 về bồi thường đối với đất

thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình công cộng và có hành lang bảo vệ an toàn. Cụ thể, bồi thường đối với đất trong hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp như sau: Đất ở, các loại đất khác trong cùng thửa với đất ở của một chủ sử dụng đất rừng trồng sản xuất, đất trồng cây lâu năm trong hành lang an toàn lưới điện thuộc diện Nhà nước không thu hồi đất thì chủ sử dụng đất được bồi thường do hạn chế khả năng sử dụng đất. Việc bồi thường được thực hiện một lần như sau: Diện tích đất ở được bồi thường do hạn chế khả năng sử dụng là diện tích đất ở thực tế trong hành lang an toàn lưới điện. Mức bồi thường bằng 80% mức bồi thường thu hồi đất ở, tính trên diện tích đất nằm trong hành lang. Trên cùng một thửa đất, gồm đất ở và các loại đất khác của cùng một chủ sử dụng đất, khi bị hành lang an toàn lưới điện chiếm dụng khoảng không lớn hơn hạn mức đất ở thì phần diện tích các loại đất khác trên cùng thửa đất trong hành lang cũng được bồi thường. Mức bồi thường bằng 80% mức bồi thường thu hồi các loại đất khác đó tính trên diện tích các loại đất khác nằm trong hành lang nhưng không tính hỗ trợ giá đất vườn liền kề đất ở. Diện tích đất rừng trồng sản xuất, đất trồng cây lâu năm được bồi thường do hạn chế khả năng sử dụng là diện tích đất rừng trồng sản xuất, đất trồng cây lâu năm thực tế trong hành lang an toàn lưới điện. Mức bồi thường bằng 70% mức bồi thường thu hồi đất rừng trồng sản xuất, đất trồng cây lâu năm tính trên diện tích đất nằm trong hành lang.

Trường hợp khi giải phóng mặt bằng xây dựng các công trình công cộng có hành lang bảo vệ an toàn mà đất đã có nhà ở, công trình xây dựng nằm ngoài phạm vi giải phóng mặt bằng nhưng nếu tồn tại, không giải tỏa, khi công trình đưa vào hoạt động sẽ gây nguy hiểm không đảm bảo an toàn, sinh hoạt của người dân thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phối hợp với Chủ đầu tư đề xuất cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án

bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xem xét cho chủ trương để thu hồi và bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư cho người dân như những trường hợp phải thu hồi đất để giải phóng mặt bằng.

Điều 11 về hỗ trợ tái định cư, suất tái định cư tối thiểu, suất đầu tư hạ tầng tái định cư được sửa đổi như sau: Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, UBND tỉnh quy định cụ thể như sau: hộ gia đình, cá nhân nhận đất ở, nhà ở tái định cư mà số tiền được bồi thường, hỗ trợ nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu thì được hỗ trợ khoản chênh lệch đó, trường hợp không nhận đất ở, nhà ở tại khu tái định cư thì được nhận tiền tương đương với khoản chênh lệch đó. Suất tái định cư tối thiểu là diện tích tối thiểu của lô đất ở khu tái định cư tập trung. Giá trị suất tái định cư tối thiểu là giá trị quyền sử dụng đất của suất tái định cư tối thiểu. Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở phải di chuyển chỗ ở mà tự lo chỗ ở mới thì được hỗ trợ một khoản tiền bằng giá trị suất đầu tư hạ tầng tính cho một hộ gia đình tại khu tái định cư tập trung. Cụ thể, tại khu vực đô thị là 60 triệu đồng, tại khu vực ven đô thị, đầu mối giao thông là 50 triệu đồng, tại khu vực nông thôn là 40 triệu đồng. Giá đất để tính giá trị suất tái định cư tối thiểu theo quy định tại Khoản 1 Điều này là giá đất do UBND tỉnh quyết định theo quy định của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất. Việc xác định giá trị suất tái định cư tối thiểu chỉ áp dụng đối với khu tái định cư tập trung. Trường hợp dự án cấp bách mà địa phương không có khu tái định cư tập trung thì UBND cấp huyện căn cứ suất tái định cư tối thiểu, chọn khu đất lẻ phù hợp với số tiền bồi thường hỗ trợ của người bị thu hồi đất quy định tại Khoản 4 Điều này để bố trí tái định cư phân tán.

Khoản 2, Khoản 3 Điều 13 về hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong khu dân cư và đất vườn, ao không được công nhận là đất ở được sửa

đổi, bổ sung như sau: Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư nhưng không được công nhận là đất ở, đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở riêng lẻ, đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở dọc kênh mương và dọc tuyến đường giao thông, nếu đất vườn, ao đó đủ điều kiện để bồi thường thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm quy định tại bảng giá đất ban hành hàng năm của UBND tỉnh còn được hỗ trợ bằng tiền với mức hỗ trợ bằng 50% giá đất ở thửa đất đó; diện tích hỗ trợ theo diện tích thực tế bị thu hồi; trường hợp diện tích thực tế bị thu hồi nhỏ hơn 5 lần hạn mức đất ở thì tính tối đa bằng 5 lần hạn mức giao đất ở tại địa phương. Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường, trong khu dân cư thuộc thị trấn, khu dân cư nông thôn, thửa đất nông nghiệp tiếp giáp với ranh giới phường, ranh giới khu dân cư thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp còn được hỗ trợ bằng 30% giá đất ở trung bình của khu vực có đất thu hồi theo quy định trong bảng giá đất của UBND tỉnh, diện tích được hỗ trợ theo diện tích thực tế bị thu hồi, trường hợp diện tích thực tế bị thu hồi lớn hơn 5 lần hạn mức đất ở thì tính tối đa bằng 5 lần hạn mức giao đất ở địa phương.

Điều 16 về xử lý các trường hợp hỗ trợ về nhà, công trình được sửa đổi như sau: Nhà, công trình khác xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 197/2004/NĐ-CP, nhưng tại thời điểm xây dựng chưa có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền công bố hoặc xây dựng phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, không vi phạm hành lang bảo vệ công trình thì được hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường giá trị công trình do UBND tỉnh quy định. Nhà, công trình khác được xây dựng trước ngày 01/7/2004 trên đất không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 197/2004/NĐ-CP từ

ngày 01/7/2004 trở về sau thì không được bồi thường, hỗ trợ. Nhà, công trình khác không được phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng nhưng xây dựng trên đất có đủ điều kiện được bồi thường về đất và xây dựng từ ngày 01/7/2004 trở về sau, xây dựng không đúng với mục đích sử dụng đất nhưng xây dựng trước thông báo chủ trương thu hồi đất và khi xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo không được phép xây dựng hoặc lập biên bản đình chỉ thì không được bồi thường nhưng được hỗ trợ. Mức hỗ trợ bằng 40% mức bồi thường giá trị công trình do UBND tỉnh quy định. Trường hợp xây dựng sau thông báo chủ trương thu hồi đất thì không được bồi thường, không được hỗ trợ về tài sản đã xây dựng, tạo lập.

Quyết định này đã sửa đổi Điều 19 về lập, tổ chức thực hiện tái định cư. Cụ thể, quy hoạch đất ở tái định cư được thực hiện theo nhiều mức diện tích khác nhau phù hợp với mức bồi thường và khả năng chi trả của người được tái định cư. Diện tích tối thiểu lô đất tái định cư không được thấp hơn suất tái định cư tối thiểu. Điều kiện bố trí tái định cư bao gồm: Hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi hết đất ở mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân không có nhu cầu tái định cư); hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất mà phần diện tích đất ở còn lại sau khi thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của UBND tỉnh và không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi; hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở nằm trong hành lang an toàn khi xây dựng công trình công cộng có hành lang bảo vệ an toàn phải di chuyển chỗ ở và không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi. Trường hợp hộ gia đình bị thu hồi hết đất ở mà trong hộ gia đình có nhiều thế hệ (nhiều cặp vợ chồng) cùng chung sống đủ điều kiện tách hộ hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền

sử dụng 1 thửa đất ở bị thu hồi, tại thời điểm thu hồi đất có nhu cầu tách hộ và không có chỗ ở nào khác thì được xem xét bố trí thêm lô đất tái định cư có diện tích phù hợp nhưng phải nộp tiền sử dụng đất. Tùy theo dự án và khu tái định cư, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đề xuất UBND cấp huyện quyết định diện tích lô đất bố trí tái định cư phù hợp cho các trường hợp tách hộ nhưng không được lớn hơn diện tích lô đất bố trí tái định cư cho hộ gia đình bị thu hồi đất.

Quyết định này cũng sửa đổi, bổ sung Điều 22 về cưỡng chế thu hồi đất như sau: Trường hợp người có đất bị thu hồi cố tình không nhận tiền bồi thường, không nhận đất tái định cư thì sau 15 ngày kể từ ngày thông báo chi trả tiền bồi thường lần ba, tùy theo tình hình thực tế mà

tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chuyển gửi số tiền chi trả vào kho bạc địa phương hoặc gửi vào Ngân hàng thương mại để đảm bảo quyền lợi cho người bị thu hồi đất trước khi thực hiện thủ tục cưỡng chế. UBND tỉnh giao cho UBND các huyện, thành phố ra quyết định cưỡng chế và tổ chức thực hiện cưỡng chế đối với hành vi cố tình không thi hành quyết định thu hồi đất thuộc thẩm quyền ra quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh trên địa bàn các huyện, thành phố thuộc thẩm quyền quản lý.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại [www.quangbinh.gov.vn](http://www.quangbinh.gov.vn))

## **Quyết định số 49/2013/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội**

Ngày 11/11/2013, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 49/2013/QĐ-UBND Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Quy định này quy định về trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trong công tác khảo sát, thiết kế, thi công và nghiệm thu công trình xây dựng; quản lý an toàn lao động, giải quyết sự cố trong thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình xây dựng; quy định về bảo hành công trình xây dựng.

Theo Quy định này, Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp UBND Thành phố thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính thành phố Hà Nội có trách nhiệm: Trình Chủ tịch UBND Thành phố ban hành các văn bản để triển khai, thực hiện các văn bản quy phạm

pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố; hướng dẫn UBND cấp huyện, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, các tổ chức và cá nhân tham gia xây dựng công trình thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng của Nhà nước và của thành phố Hà Nội; chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng theo quy định; lập kế hoạch kiểm tra thường xuyên, định kỳ công tác quản lý chất lượng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn; kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng và chất lượng công trình khi phát hiện dấu hiệu vi phạm về chất lượng hoặc theo yêu cầu của cơ quan cấp trên; phối hợp với Bộ Xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình cấp đặc

biệt, cấp I trên địa bàn, phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành, tham gia Hội đồng nghiệm thu nhà nước đối với công trình xây dựng trên địa bàn khi có yêu cầu; kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định, kế hoạch, nội dung kiểm tra, kết quả kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 10/2013/TT-BXD; giúp UBND thành phố tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại Điều 25 của Quy định này, theo dõi, tổng hợp báo cáo UBND Thành phố về tình hình sự cố trên địa bàn, hướng dẫn giải quyết tranh chấp về chất lượng đối với các công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý theo phân cấp theo quy định; chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, xử lý và kiến nghị xử lý các vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP. Trường hợp phát hiện chất lượng công trình không đảm bảo yêu cầu, có nguy cơ gây sập đổ công trình hoặc biện pháp thi công không đảm bảo an toàn thì được quyền tạm dừng thi công và chỉ cho phép thi công sau khi chủ đầu tư và các nhà thầu khắc phục các tồn tại, đảm bảo an toàn. Việc tạm dừng thi công thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng thuộc các khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao theo quy định tại Quy định này, lập kế hoạch kiểm tra thường xuyên, định kỳ công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình và chất lượng các công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý; kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử

dụng đối với công trình thuộc quyền quản lý theo quy định; kiện toàn, tổ chức bộ phận chuyên môn có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng thuộc các khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao trên địa bàn Hà Nội.

Theo Quy định này, trách nhiệm của Chủ đầu tư xây dựng công trình trong công tác quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình (thực hiện Điều 24 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP) bao gồm: Lựa chọn các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện công tác khảo sát xây dựng, thiết kế, thi công xây dựng công trình, giám sát thi công xây dựng công trình (nếu có), thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình (nếu có) và các công việc tư vấn xây dựng khác; thông báo về nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân trong hệ thống quản lý chất lượng của chủ đầu tư, nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình cho các nhà thầu có liên quan biết để phối hợp thực hiện, trước khi thi công xây dựng, chủ đầu tư và các nhà thầu thi công xây dựng phải thống nhất các nội dung về hệ thống quản lý chất lượng của chủ đầu tư và của nhà thầu, kế hoạch và biện pháp kiểm soát chất lượng theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 10/2013/TT-BXD; kiểm tra các điều kiện khởi công công trình xây dựng theo quy định tại Điều 72 Luật Xây dựng và các văn bản, hướng dẫn liên quan của Nhà nước và Thành phố; kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà thầu thi công xây dựng công trình so với hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng, bao gồm: nhân lực, thiết bị thi công, phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng công trình; kiểm tra việc huy động và bố trí nhân lực của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình so với yêu cầu của hợp đồng xây dựng; kiểm tra và giám sát trong quá trình thi công xây dựng công trình theo quy định tại Khoản 6 Điều 24 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP; thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường đối với

các công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; tổ chức kiểm định chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình và toàn bộ công trình xây dựng khi có nghi ngờ về chất lượng hoặc khi được cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng yêu cầu; tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định; tổ chức lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định tại Điều 30 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP và các quy định tại Điều 27, Điều 28 Thông tư số 10/2013/TT-BXD; tổ chức kiểm tra, đôn đốc nhà thầu thi công xây dựng tuân thủ biện pháp thi công và các giải pháp về an toàn đã được phê duyệt theo quy định tại Khoản 6 Điều 29 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP; tạm dừng hoặc đình chỉ thi công đối với nhà thầu thi công xây dựng khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không đảm bảo an toàn; chủ trì, phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong thi công xây dựng công trình; lập báo cáo hoàn thành đưa công trình vào sử dụng hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu và gửi cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng; chủ đầu tư có thể thuê nhà thầu tư vấn giám sát thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc được nêu trên và một số công việc khác khi cần thiết và phải có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện của nhà thầu tư vấn giám sát theo yêu cầu của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của Tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP bao gồm: Nghiệm thu công việc xây dựng trong quá trình thi công xây dựng; nghiệm thu đối với các giai đoạn chuyển bước thi công quan trọng của công trình; nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng để đưa vào sử dụng. Việc tổ chức nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn chuyển bước thi công xây dựng và nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình

hoặc công trình để đưa vào sử dụng thực hiện theo các Điều 20, 21, 22 Thông tư số 10/2013/TT-BXD. Trong hợp đồng thi công xây dựng phải quy định rõ về các công việc cần nghiệm thu, bàn giao; các căn cứ, điều kiện, quy trình, thời điểm, các tài liệu, biểu mẫu, biên bản và thành phần nhân sự tham gia nghiệm thu, bàn giao hạng mục công trình, công trình hoàn thành; kết quả nghiệm thu, bàn giao phải được lập thành biên bản. Các bộ phận, hạng mục công trình xây dựng hoàn thành và công trình xây dựng hoàn thành chỉ được phép đưa vào sử dụng sau khi được chủ đầu tư nghiệm thu theo quy định. Riêng các công trình, hạng mục công trình xây dựng quy định tại Khoản 1 Điều 21 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP còn phải được các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo quy định tại Quy định này. Trước 10 ngày làm việc (đối với công trình cấp II, III và cấp IV) hoặc trước 20 ngày làm việc (đối với công trình cấp đặc biệt và cấp I) so với ngày chủ đầu tư dự kiến tổ chức nghiệm thu đưa công trình, hạng mục công trình vào sử dụng, chủ đầu tư phải gửi báo cáo hoàn thành hạng mục công trình hoặc hoàn thành công trình cùng danh mục hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo quy định tại Quy định này. Sau khi đã tổ chức nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng hoặc công trình xây dựng để đưa vào sử dụng, chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện tổ chức bàn giao hạng mục công trình xây dựng hoặc công trình xây dựng theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

Nhà thầu khảo sát xây dựng có trách nhiệm lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng khi có yêu cầu của chủ đầu tư, lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư số 10/2013/TT-BXD, thực hiện khảo sát theo phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng

được phê duyệt, sử dụng thiết bị, phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định của pháp luật và phù hợp với công việc khảo sát; bố trí đủ cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp để thực hiện khảo sát, cử người có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật để làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng, tổ chức tự giám sát trong quá trình khảo sát; bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, các công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình xây dựng khác trong khu vực khảo sát, thực hiện bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan trong khu vực khảo sát, phục hồi hiện trường sau khi kết thúc khảo sát; lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ khảo sát xây dựng và hợp đồng, kiểm tra, khảo sát lại hoặc khảo sát bổ sung khi kết quả khảo sát xây dựng không phù hợp với điều kiện tự nhiên nơi xây dựng công trình hoặc không đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ khảo sát.

Trách nhiệm của nhà thầu thiết kế trong khảo sát xây dựng bao gồm: Lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng phù hợp với yêu cầu của từng bước thiết kế khi có yêu cầu của chủ đầu tư, kiểm tra sự phù hợp của số liệu khảo sát với yêu cầu của bước thiết kế, tham gia nghiệm thu báo cáo kết quả khảo sát xây dựng khi được chủ đầu tư yêu cầu; kiến nghị chủ đầu tư thực hiện khảo sát xây dựng bổ sung khi phát hiện

kết quả khảo sát không đáp ứng yêu cầu khi thực hiện thiết kế hoặc phát hiện những yếu tố khác thường ảnh hưởng đến thiết kế. Trách nhiệm của nhà thầu thiết kế trong thiết kế xây dựng bao gồm: Bố trí đủ người có kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp để thực hiện thiết kế, cử người có đủ điều kiện năng lực theo quy định để làm chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế, sử dụng kết quả khảo sát đáp ứng được yêu cầu của bước thiết kế và phù hợp với tiêu chuẩn được áp dụng cho công trình; tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn được áp dụng cho công trình, lập hồ sơ thiết kế đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ thiết kế, nội dung của từng bước thiết kế, quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

Ngoài ra, Quyết định này còn quy định trách nhiệm của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình, trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng, trách nhiệm của nhà thầu chế tạo, sản xuất, cung cấp vật liệu, sản phẩm, thiết bị, cấu kiện sử dụng cho công trình xây dựng, trách nhiệm của nhà thầu kiểm định chất lượng công trình xây dựng...

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại [www.hanoi.gov.vn](http://www.hanoi.gov.vn))

## **Quyết định số 47/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Kon Tum quy định việc khai thác quỹ đất để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

Ngày 12/11/2013, UBND tỉnh Kon Tum đã ban hành Quyết định số 47/2013/QĐ-UBND quy định việc khai thác quỹ đất để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Phạm vi điều chỉnh của Quyết định này là các dự án khai thác quỹ đất để xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị, kết cấu hạ tầng khu dân cư,

kết cấu hạ tầng khu kinh tế, kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng công cộng. Quỹ đất được sử dụng để tạo vốn xây dựng kết cấu hạ tầng thuộc quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

Quyết định này quy định về lập, công bố



danh mục quỹ đất, dự án sử dụng quỹ đất tạo vốn xây dựng kết cấu hạ tầng. Theo đó, định kỳ hàng năm vào đầu tháng 4 và tháng 10, UBND các huyện, thành phố, các Sở, ngành, cơ quan có liên quan căn cứ vào quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị để xác định rõ khu đất và loại đất nào được dùng để tạo vốn, làm căn cứ lập danh mục gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh danh mục sử dụng đất để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh. Căn cứ Nghị quyết của HĐND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan có liên quan công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết tại địa phương có quỹ đất để tạo vốn xây dựng kết cấu hạ tầng.

Về lập đề cương, nhiệm vụ, xin chủ trương đầu tư, Quy định này quy định: Trên cơ sở danh mục sử dụng đất để xây dựng kết cấu hạ tầng được HĐND tỉnh thông qua, các chủ đầu tư lập, trình Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư. Nội dung Tờ trình đề nghị phê duyệt chủ trương đầu tư kèm theo đề cương, nhiệm vụ phải làm rõ các nội dung sau: Địa điểm và diện tích các khu đất đấu giá thuộc dự án; đánh giá sơ bộ hiệu quả kinh tế tài chính của dự án.

Về công tác chuẩn bị đầu tư dự án, Quyết định này quy định xây dựng quy hoạch chi tiết xây dựng của quỹ đất khai thác tỉ lệ 1:2.000 đến 1:500 được cấp có thẩm quyền phê duyệt; xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với khu đất, quỹ đất để đầu tư dự án; xây dựng phương án đấu giá quyền sử dụng đất; lập dự

án khai thác quỹ đất để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, nội dung dự án cần thể hiện rõ kinh tế tài chính của dự án, hiệu quả đầu tư (có lãi), tiến độ thực hiện dự án... Tùy theo điều kiện cụ thể và tình hình thực tế, UBND tỉnh sẽ giao cho chủ đầu tư thực hiện một hoặc nhiều nội dung trên.

Cũng theo Quy định này, các công trình thuộc dự án tạo vốn đầu tư kết cấu hạ tầng phải được tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu hiện hành và các quy định sau đây: Thực hiện tổ chức đấu thầu rộng rãi gói thầu xây dựng theo Luật Đấu thầu và quy định hiện hành; để đảm bảo tính đồng bộ của dự án, tất cả các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng chỉ đấu thầu 1 gói thầu xây dựng (trừ trường hợp có quy định riêng của UBND tỉnh). Khi dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt, chủ đầu tư có trách nhiệm lựa chọn tổ chức đấu giá chuyên nghiệp để bán đấu giá quyền sử dụng đất, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Dự án do các cơ quan, tổ chức của tỉnh làm chủ đầu tư, UBND tỉnh xem xét cho tạm ứng Quỹ phát triển đất của tỉnh để chủ động bồi thường, giải phóng mặt bằng, xây dựng kết cấu hạ tầng nhằm tạo quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định hiện hành. Dự án thuộc UBND cấp huyện làm chủ đầu tư, khi trình thẩm định dự án, chủ đầu tư phải có phương án ứng trước ngân sách huyện, thành phố hoặc huy động các nguồn vốn hợp pháp để đầu tư thực hiện dự án.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**(Xem toàn văn tại [www.kontum.gov.vn](http://www.kontum.gov.vn))**

## **Hội nghị nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu đề xuất các tiêu chí đánh giá cấp chứng nhận công trình xanh”**

Ngày 05/12/2013 tại Bộ Xây dựng, Hội đồng Khoa học kỹ thuật chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu các kết quả của đề tài “Nghiên cứu đề xuất các tiêu chí đánh giá cấp chứng nhận công trình xanh” do Hội Môi trường Xây dựng Việt Nam thực hiện. Th.S Trần Đình Thái - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Báo cáo các kết quả của đề tài, Chủ nhiệm đề tài - PGS.TS Phạm Đức Nguyên cho biết, phong trào công trình xanh bắt đầu xuất hiện từ năm 1990 tại Vương quốc Anh, sau đó đã được tiếp nhận rộng rãi trên thế giới sau khi vấn đề "phát triển bền vững" được toàn thế giới quan tâm (năm 1992) và hệ thống đánh giá công trình xanh của Mỹ xuất hiện (LEED - năm 1995). Lúc đầu công trình xanh chỉ được coi là một " làn sóng mới", nhưng đến năm 2010 thì nó đã trở thành "cuộc cách mạng", được hiểu là những công trình xây dựng đáp ứng được các tiêu chí về bảo tồn sinh thái - môi trường, hiệu quả sử dụng nước, năng lượng, vật liệu và môi trường sống tiện nghi cho con người.

Thực hiện nhiệm vụ được Bộ Xây dựng giao, nhóm nghiên cứu đã tiến hành thu thập, nghiên cứu các hệ thống đánh giá công trình xanh và cấp chứng nhận công trình xanh của nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là các hệ thống LEED (Mỹ), Green Star (Úc), BCA GM (Singapore), GI (Malaysia), Lotus (Hội đồng Công trình xanh Việt Nam - VGBC)... Qua việc phân tích các hệ thống đánh giá công trình xanh của các nước, nhóm nghiên cứu đã đề xuất được một hệ thống chỉ tiêu đánh giá công trình xanh phù hợp với điều kiện Việt Nam bao gồm 5 lĩnh vực chính là: Bảo vệ môi trường - sinh thái; Tiết kiệm năng lượng; Hiệu quả sử dụng nước; Sử dụng vật liệu; Môi trường vi khí hậu trong nhà. Trong hệ thống chỉ tiêu đánh giá



*Chủ nhiệm đề tài PGS.TS Phạm Đức Nguyên báo cáo các kết quả nghiên cứu*

đệ trình của mỗi nhóm tiêu chí có điều kiện tiên quyết (các tiêu chí bắt buộc phải đạt được thì mới xem xét đánh giá) và 31 tiêu chí tính điểm tổng cộng là 100 điểm và 02 tiêu chí cho phần sáng tạo (8 điểm). Đồng thời, nhóm nghiên cứu cũng đã đề xuất các phương pháp đánh giá và cấp chứng nhận công trình xanh dựa trên bộ tiêu chí đệ trình.

Phát biểu tại Hội nghị nghiệm thu, các chuyên gia phản biện cũng như các ủy viên của Hội đồng đã đánh giá cao những cố gắng của nhóm nghiên cứu, và cho rằng, nhóm nghiên cứu đã làm việc nghiêm túc, công phu, tài liệu tham khảo phong phú, tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của nước ngoài cho phù hợp với điều kiện Việt Nam. Tuy nhiên, các chuyên gia phản biện và các ủy viên Hội đồng cũng đóng góp, trao đổi với nhóm nghiên cứu về một số vấn đề cần bổ sung hoặc làm rõ. Các ý kiến góp ý của Hội đồng đã được nhóm nghiên cứu giải trình ngay tại chỗ hoặc tiếp thu một cách nghiêm túc.

Phát biểu kết luận Hội nghị, thay mặt Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ, Phó Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường Bộ Xây dựng - Th.S Trần Đình Thái nhất trí với các ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng. Theo Th.S Trần Đình

Thái, so với yêu cầu nhiệm vụ đề ra trong đề cương nghiên cứu của đề tài, nhóm nghiên cứu đã hoàn thành các công việc: xây dựng được bộ tiêu chí đánh giá công trình xanh và đề xuất được hệ thống đánh giá công trình xanh mang tính khoa học và thực tiễn. Các tiêu chí đánh giá đã làm nổi bật 02 nội dung quan trọng là sử dụng hiệu quả năng lượng (45%) và yếu tố môi trường (42%) là phù hợp. ThS. Trần Đình Thái

đề nghị nhóm tác giả tiếp thu các ý kiến đóng góp của Hội đồng để hoàn thiện báo cáo đề tài.

Đề tài “Nghiên cứu đề xuất các tiêu chí đánh giá cấp chứng nhận công trình xanh” đã được Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng nhất trí nghiệm thu với kết quả xếp loại Khá.

Minh Tuấn

## **Nghiệm thu dự thảo tiêu chuẩn TCVN ...:2013 “Tro bay dùng cho bê tông, xi măng và vữa xây”**

Ngày 05/12/2013, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu Dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN ...: 2013 “Tro bay dùng cho bê tông, xi măng và vữa xây” do Hội công nghiệp bê tông Việt Nam thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Thay mặt nhóm biên soạn, KS. Nguyễn Thế Hùng - Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội Công nghiệp bê tông Việt Nam đã trình bày sự cần thiết cũng như các căn cứ để xây dựng dự thảo tiêu chuẩn. Theo ông Nguyễn Thế Hùng, tro bay là thải phẩm bụi mịn thu được tại các bộ phận thiết bị lắng bụi thải của nhà máy nhiệt điện từ quá trình đốt than; thải phẩm này là thách thức lớn đối với nhiều quốc gia trên thế giới. Tại Việt Nam, các nhà máy nhiệt điện như Uông Bí, Phả Lại, Cao Ngạn, Na Dương... năm 2010 thải ra khoảng 2,3 triệu tấn tro xỉ. Với quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 xét đến năm 2030, tổng công suất nhiệt điện đốt than đến 2020 đạt khoảng 39.000 MW, lượng than tiêu thụ đạt xấp xỉ 67 triệu tấn; lượng tro xỉ được thu hồi ước tính trên 20 triệu tấn. Tro bay được ứng dụng trong rất nhiều lĩnh vực - có thể dùng làm nguyên liệu thô cho xi măng, cho sản xuất gạch, thủy tinh và vật liệu chịu lửa; làm phụ gia thay thế xi măng trong hỗn hợp bê tông, vữa xây; xây dựng lớp



*Toàn cảnh cuộc họp nghiệm thu*

nền đường giao thông, làm bê tông đầm lăn cho đường giao thông và đập thủy lợi - thủy điện; làm chất độn đầy cho nhựa atphan, nhựa dẻo, giấy... Riêng trong công nghiệp xây dựng tỷ trọng tro bay được sử dụng đã chiếm tới hơn 75% tổng lượng tro bay. Lợi ích kinh tế - kỹ thuật tro bay mang lại trong ứng dụng làm bê tông, xi măng và vữa xây rất lớn. Ví dụ: giúp giảm tỷ lệ nước/xi măng, từ đó giảm được hiện tượng nứt vì co ngót; cải thiện tính bám dính giữa các lần đổ bê tông do tác dụng làm chậm đông kết của tro bay đối với xi măng; tăng cường độ tuổi muộn; tăng khả năng chống thấm, chống ăn mòn, tăng độ bền sun phát và Cl-; giảm giá thành sản phẩm... Tuy nguồn tài nguyên thải phẩm tro bay đang ngày một gia tăng về khối lượng, song Việt Nam lại chưa có tiêu chuẩn quốc gia của thải phẩm này. Do đó,

việc xây dựng TCVN về tro bay là thực sự cần thiết, sẽ là cơ sở định hướng và mở rộng khả năng tiêu thụ tro bay của nước ta.

Thông qua nghiên cứu tình hình sản xuất thực tế trong nước, kết hợp tham khảo các tài liệu khoa học liên quan tới quá trình chế biến, sử dụng tro bay, các sách kỹ thuật giới thiệu ứng dụng tro bay vào sản xuất bê tông, xi măng và vữa xây; đồng thời tìm hiểu tiêu chuẩn của nhiều nước trên thế giới và trong khu vực về vấn đề liên quan như GOST 25818-91 (Nga), ASTM.C 618 (Mỹ), BS EN 450:2005 (tiêu chuẩn chung châu Âu), GB/T1596:2005 (Trung Quốc), KSL 5405 (Hàn Quốc)...; nhóm biên soạn đã phân tích và lựa chọn các thông số kỹ thuật đặc trưng, các mức giới hạn cho phép để đề xuất đưa vào dự thảo TCVN, đảm bảo tính thực tiễn và khả thi khi áp dụng tiêu chuẩn vào thực tế, đồng thời kế thừa sự tiến bộ, đảm bảo hội nhập với các tiêu chuẩn nước ngoài.

TCVN ...:2013 “Tro bay dùng cho bê tông, xi măng và vữa xây” được xây dựng với đầy đủ các nội dung cơ bản: tên gọi, phạm vi áp dụng, tài liệu viện dẫn, thuật ngữ định nghĩa, yêu cầu kỹ thuật, phân loại ký hiệu, quy tắc nghiệm thu, phương pháp thử, bao bì – ghi nhãn - vận chuyển - bảo quản. Tiêu chuẩn áp dụng cho tro bay đã qua xử lý và tro bay chưa qua xử lý nhưng đạt yêu cầu chất lượng để sử dụng ngay.

Dự thảo tiêu chuẩn đã đưa vào phân loại tro bay theo thành phần hóa học (tro bay a xit tương đồng với loại F và tro bay bazơ tương đồng với loại C của tiêu chuẩn các ước trên thế giới); và theo chỉ tiêu chất lượng lĩnh vực sử dụng. Ở nội dung này, việc phân cấp trong tiêu chuẩn các nước có sự khác nhau về mức độ

định hướng sử dụng tro bay. Qua nghiên cứu đánh giá cụ thể, nhóm biên soạn đã thống nhất lựa chọn chuyển dịch cách phân loại như tiêu chuẩn Nga GOST 25818-91 bởi đây là phương án hợp lý, phù hợp điều kiện ứng dụng tại Việt Nam. Hơn nữa, tiêu chuẩn Nga có định hướng khá cụ thể và kèm cả phụ lục về hướng dẫn lĩnh vực sử dụng. Dự thảo đề xuất tro bay được phân thành 04 mức chất lượng theo các lĩnh vực cụ thể, đảm bảo cho chất lượng sản phẩm, sử dụng đúng quy cách, đạt hiệu quả cao về mặt kinh tế kỹ thuật.

Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều đánh giá cao tính cấp thiết và ý nghĩa thực tế của Đề tài, cũng như sự nghiêm túc, phương pháp tiến hành công việc rất khoa học của nhóm biên soạn. Để dự thảo tiêu chuẩn được hoàn thiện, Hội đồng đã góp ý về các nội dung nên lược bỏ hoặc nghiên cứu chỉnh sửa thêm cho phù hợp điều kiện của Việt Nam. Một số câu chữ, thuật ngữ cũng được Hội đồng đề nghị rà soát, chỉnh sửa; đề nghị nhóm biên soạn thống nhất cách dùng một số ký hiệu; tách một số nội dung cho rõ ràng hơn; xem lại phần phụ gia dùng cho xi măng.

Phát biểu kết luận, Chủ tịch Hội đồng - TS. Nguyễn Trung Hòa nhất trí với toàn thể Hội đồng, lưu ý nhóm tác giả hoàn chỉnh đề tài trên cơ sở tiếp thu các ý kiến đóng góp trước tháng 1/2014, để Bộ Xây dựng trình Bộ Khoa học & Công nghệ sớm ban hành.

Đề tài đã được nghiệm thu với kết quả xếp loại Xuất sắc.

Lệ Minh

## Hội thảo “Vùng Thủ đô - Hiện trạng và tầm nhìn phát triển”

Ngày 28/11/2013 tại Hà Nội, Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn Quốc gia - Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội thảo “Vùng Thủ đô - Hiện

trạng và phát triển” nhằm lấy ý kiến đóng góp cho Đề án Điều chỉnh Quy hoạch Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm

2050. Tham dự Hội thảo có đại diện các Bộ, ngành có liên quan, Ban Chỉ đạo quy hoạch Vùng Thủ đô, lãnh đạo 9 tỉnh, thành phố thuộc Vùng Thủ đô Hà Nội và đông đảo chuyên gia trong nước và quốc tế trong lĩnh vực kiến trúc và quy hoạch đô thị. Viện trưởng Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn Quốc gia Ngô Trung Hải chủ trì Hội thảo.

Báo cáo tại Hội thảo về các nội dung chủ yếu của Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch Vùng Thủ đô Hà Nội, Phó Viện trưởng Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn Quốc gia - TS. Trương Văn Quảng - trưởng nhóm nghiên cứu đã giới thiệu về những nội dung mới của Đồ án Điều chỉnh so với Quy hoạch Vùng Thủ đô Hà Nội đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 05/5/2008.

Theo đó, Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 xác định Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2050 sẽ là vùng kinh tế tổng hợp lớn của quốc gia và khu vực châu Á - Thái Bình Dương, là khu vực phát triển năng động, có chất lượng đô thị cao, môi trường đầu tư thuận lợi, phát triển bền vững, đồng thời là trung tâm chính trị, văn hóa- lịch sử, khoa học, giáo dục-đào tạo và du lịch lớn của cả nước.

Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được xây dựng dựa trên việc đánh giá hiện trạng và các kịch bản phát triển kinh tế - xã hội của Vùng, từ đó xác định những định hướng chủ yếu về phát triển không gian, quy hoạch hạ tầng khung về kỹ thuật và xã hội, đề xuất các dự án chiến lược làm động lực cho sự phát triển của Vùng cũng như xác định các nguồn lực đầu tư.

Đại diện Hội Kiến trúc sư Việt Nam - PGS.TS.KTS Trần Trọng Hanh đã trình bày tham luận “Tiếp cận cấu trúc không gian Vùng Thủ đô Hà Nội”. Tham luận đã giới thiệu các mô hình phát triển của các Vùng Đô thị lớn trên thế giới, và đề xuất một số kịch bản và mô hình phát triển không gian của Vùng Thủ đô Hà Nội



*Viện trưởng Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn Quốc gia Ngô Trung Hải phát biểu khai mạc Hội thảo*

bao gồm mô hình cấu trúc hình sao, mô hình cấu trúc phi tập trung và cân bằng sinh thái, mô hình cấu trúc không gian lai ghép.

Đại diện Bộ Kế hoạch Đầu tư - Th.S. Lê Anh Đức - Phó ban Phát triển Vùng - Viện Chiến lược phát triển đề xuất việc lồng ghép chiến lược quy hoạch ngành trong Quy hoạch Vùng Thủ đô, trong đó kiến nghị lồng ghép về thời gian của Quy hoạch Vùng Thủ đô với các Chiến lược phát triển và các quy hoạch kinh tế xã hội đã được phê duyệt; lồng ghép về không gian và phạm vi nghiên cứu; lồng ghép các quy hoạch liên quan đến hạ tầng khung của Vùng và các quy hoạch liên quan đến phát triển Vùng...

Tại Hội thảo, các đại biểu tham dự đã được nghe các tham luận của Viện Chiến lược phát triển giao thông - Bộ Giao thông về định hướng phát triển hạ tầng giao thông trong Vùng và các dự án giao thông trọng điểm; tham luận của một số địa phương trong Vùng với những đề xuất về phân công chức năng của các địa phương trong Vùng và cơ chế quản lý Quy hoạch Vùng...

Phát biểu tại Hội thảo, Viện trưởng Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn Quốc gia Ngô Trung Hải cho biết, việc xây dựng Quy hoạch Vùng Thủ đô Hà Nội là hết sức cần thiết nhằm chia sẻ hệ thống hạ tầng khung, với việc đầu tư phát triển hạ tầng giao thông cao cấp để rút ngắn thời gian đi lại giữa các đô thị trong vùng xuống

còn 1-2h, giảm bớt áp lực về các dịch vụ y tế, giáo dục, bất động sản... cho Thủ đô Hà Nội.

Tại Hội thảo này, đại diện các cơ quan quản lý nhà nước, các chuyên gia trong nước và nước ngoài cũng đã đóng góp nhiều ý kiến nhằm xây dựng một Đồ án điều chỉnh Quy hoạch Vùng

Thủ đô Hà Nội mang tính khả thi cao, tạo cho Vùng Thủ đô một vị trí động lực cho phát triển kinh tế của Vùng và của cả nước.

Minh Tuấn

## Hội thảo khoa học “Quy hoạch xây dựng và quản lý cây xanh đường phố”

Ngày 29/11/2013 tại Hà Nội, Hiệp hội Công viên cây xanh Việt Nam đã tổ chức Hội thảo khoa học “Quy hoạch xây dựng và quản lý cây xanh đường phố” với sự tham gia của đông đảo các nhà khoa học trong lĩnh vực quy hoạch, quản lý đô thị, môi trường, sinh vật học và đại diện các đơn vị thành viên của Hiệp hội. Nguyên Thứ trưởng Bộ Xây dựng Trần Ngọc Chính - Chủ tịch Hiệp hội Công viên cây xanh Việt Nam đã đến dự và chủ trì Hội thảo.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Chủ tịch Hiệp hội Công viên Cây xanh Trần Ngọc Chính nhấn mạnh vai trò hết sức quan trọng của cây xanh trong các đô thị. Cây xanh đường phố, cây xanh cảnh quan kết hợp với mặt nước tạo thành các lá phổi của đô thị, làm giảm hiệu ứng đảo nhiệt của đô thị, cải tạo vi khí hậu, giảm thiểu ô nhiễm và góp phần bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, cây xanh còn góp phần tạo ra các ốc không gian và nét đặc sắc riêng có của mỗi đô thị. Theo ông Trần Ngọc Chính, các báo cáo khoa học được trình bày tại Hội thảo và phần thảo luận tại Hội thảo này sẽ làm rõ hơn những quan điểm về quy hoạch và quản lý cây xanh đô thị, nhằm từng bước đổi mới từ phương pháp quy hoạch cho đến các giải pháp kỹ thuật, tạo cho mỗi đô thị vừa có được thảm xanh tốt nhất, vừa có bản sắc và đủ sức chống chịu với các tác động của biến đổi khí hậu.

Theo PGS.TS Nguyễn Hồng Tiến - Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng, triển khai thực hiện Nghị định số 64/2010/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị, đến



Chủ tịch Hiệp hội Công viên cây xanh Việt Nam Trần Ngọc Chính phát biểu khai mạc Hội thảo

nay đã có 45 địa phương ban hành quy định về quản lý cây xanh để phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi địa phương. Cây xanh ngày nay tại các đô thị đã được quản lý ngày càng tốt hơn, không gian xanh, mảng xanh ngày càng đa dạng và đẹp hơn, đặc biệt được tổ chức thực sự ấn tượng vào các dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn và Tết cổ truyền, góp phần làm cho cuộc sống đô thị ngày càng chất lượng hơn. Tuy nhiên, cây xanh, không gian xanh ngày nay cũng phải đối mặt với tác động của biến đổi khí hậu, trong các cơn bão vừa qua năm 2013 đã làm gãy đổ hàng ngàn cây xanh, phá hoại nhiều công trình công viên cây xanh. Như vậy, vấn đề đặt ra là quy hoạch như thế nào, lựa chọn cây trồng ra sao để phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng của từng vùng và thích hợp với biến đổi khí hậu, các vấn đề liên quan đến định mức kinh tế - kỹ thuật...có liên quan cũng cần được trao đổi. Một đô thị xanh, một đô thị thông minh không thể không có không gian cây xanh. Các tiêu chí

này đang được nhiều nhà khoa học đề nghị đó là tiêu chí để xác định đô thị xanh.

Đóng góp cho Hội thảo tham luận về “Bản sắc đô thị với việc trồng cây xanh đường phố theo chủ đề”, TS.KTS Trương Văn Quảng - Phó Viện trưởng Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn Quốc gia đưa ra những gợi ý việc trồng cây xanh theo chủ đề để tạo cho mỗi con đường, mỗi góc phố, và cho cả đô thị những đặc tính, bản sắc riêng - mà nhiều thành phố trên thế giới cũng như của Việt Nam đã áp dụng.

Đề cập đến việc các đô thị ngày càng trở nên chật hẹp hơn, mật độ xây dựng ngày càng cao khiến cho thiếu hụt đất dành cho cây xanh công cộng trong các khu vực trung tâm, PGS.TS.KTS Đỗ Tú Lan đề xuất ý tưởng bổ sung cây xanh trên các chiều đứng của tòa nhà và mái nhà, tạo hiệu ứng môi trường thiên nhiên kết nối với các không gian chiều ngang của thành phố.

Theo PGS.TS.KTS Đỗ Tú Lan, việc định hướng phát triển cây xanh đô thị cần phải rất

thực tiễn, không chỉ tập trung vào những diện tích cây xanh công cộng mà còn là những không gian xanh có thể phát triển theo chiều đứng của công trình, tạo cho cây xanh có nhiều cơ hội hơn để phát triển, đóng góp cho sự phát triển mạnh mẽ của các đô thị, để các đô thị trở nên thực sự xanh và thân thiện với môi trường.

Tại Hội thảo này, Công ty Công viên cây xanh Hà Nội và Công ty Công viên cây xanh Hải Phòng cũng đã trình bày các tham luận về kinh nghiệm của địa phương trong công tác quy hoạch, quản lý cây xanh đường phố, đồng thời đề xuất một số cơ chế, chính sách cũng như áp dụng công nghệ GIS trong quản lý cây xanh...

Trong phần sau của Hội thảo, các đại biểu tham dự và các nhà khoa học đã cùng nhau thảo luận về các giải pháp tốt cho quy hoạch cây xanh, lựa chọn cây hợp lý, giải pháp quản lý cây xanh cũng như kỹ thuật trồng và bảo quản cây xanh đô thị.

Minh Tuấn

## Để cho các thành phố thay đổi theo hướng thông minh hơn

Khi bạn đến một thành phố xa lạ nào đó và hào hứng đi đến phố ẩm thực, nhưng sau đó nhận ra nơi bạn đến chỉ là một công trường xây dựng, thì chắc bạn sẽ rất thất vọng. Mặc dù trước khi đi bạn đã tra cứu và biết là có phố ẩm thực đó, nhưng trong thực tế bạn không thể tìm thấy. Tại sao lại như vậy? Bởi vì thành phố đó chưa đủ “thông minh”, thiếu thông tin về không gian địa lý ở thời điểm hiện tại và không được cập nhật tình trạng về sự biến mất hoặc di chuyển của các công trình, và lẽ dĩ nhiên bạn không thể tìm được thông tin chính xác.

Hiện nay, việc ứng dụng trong thực tế các dịch vụ kinh doanh nhỏ và các công nghệ thông tin địa lý công cộng phục vụ cho hoạt động công nghiệp đang mở ra không gian lớn hơn cho phát triển, và là một biểu hiện quan trọng

về sự thông minh của các chức năng dịch vụ xây dựng đô thị. Thông qua việc thiết lập một nhận thức toàn diện, thông tin nhanh, sự hưởng ứng tích cực của hệ thống quản lý các dịch vụ xã hội để đạt được sự bao phủ toàn bộ việc quản lý dịch vụ xã hội, toàn bộ nhận thức, toàn bộ thời gian - không gian, sự tham gia và liên kết toàn diện. Ví dụ như phần mềm Thành phố Thông minh sử dụng cho thành phố Miền Dương, tỉnh Tứ Xuyên có các chức năng “giao thông thông minh”, “du lịch thông minh”, “thể thành phố” là sự ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dịch vụ cộng đồng, các lĩnh vực dịch vụ công cộng được kết nối mạng và được điều khiển thông minh.

Nếu coi thành phố là một cơ thể sống, thì “thành phố thông minh” là một thành phố có tri

giác. Mọi thứ trong thành phố là các bộ phận của một cơ thể sống, mạng internet là các dây thần kinh, công nghệ điện toán đám mây là cơ sở dữ liệu lớn “trung tâm thần kinh” và là bộ não. Đây là quan điểm về thành phố thông minh được đưa ra tại “Hội nghị Thượng đỉnh về Thành phố Thông minh” của ông Vương Ân Dũng - Phó Tổng giám đốc Công ty “Kết nối mọi thứ”. Theo ông Vương Ân Dũng, 5 yếu tố cấu thành của việc vận hành và quản lý đối với cơ sở hạ tầng đô thị, an toàn cộng đồng, dịch vụ công cộng, sự quản lý của chính quyền và quy hoạch tài nguyên và xây dựng nền tảng cho tài nguyên dữ liệu có vai trò hỗ trợ hết sức quan trọng

Tháng 11/2012, Bộ Nhà ở, Phát triển đô thị - nông thôn Trung Quốc đã công bố “Hệ thống chỉ số (thí điểm) thành phố thông minh quốc gia”. Dựa trên việc xây dựng bản mô tả chi tiết một thành phố thông minh, đặc biệt là trong việc xây dựng hệ thống thành phố thông minh hiệu quả, chương trình xây dựng thành phố thông minh được đề xuất bao gồm “quy hoạch phát triển và kế hoạch thực hiện”, “các cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện”, “các chính sách và cơ chế”, “các nguồn tài chính để thực hiện”, “cơ quan chịu trách nhiệm về hệ thống giám sát vận hành”. Năm 2013, Dự án thí điểm xây dựng thành phố thông minh được triển khai toàn diện. Các thành phố thuộc dự án thí điểm thông qua cơ sở hạ tầng mạng, xây dựng hạ tầng mạng và cơ sở dữ liệu dùng chung, hệ thống quản lý thành phố theo công nghệ số hoàn hảo, ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại để phát huy ứng dụng của các dịch vụ đô thị, khảo sát tỉ mỉ mô hình xây dựng thành phố thông minh, mô hình chia sẻ và mô hình dịch vụ.

Từ việc nghiên cứu kỹ hệ thống thành phố thông minh của Trung Quốc, các vấn đề trong thực tiễn xây dựng thành phố thông minh đã dần được sáng tỏ: *Thứ nhất là*, làm thế nào để phá vỡ sự đóng kín thông tin, hoàn thiện hạ tầng thông tin để có thể tích hợp thông tin; *thứ*

*hai là*, làm thế nào để đảm bảo hiệu quả an toàn thông tin, tránh rò rỉ thông tin địa lý; *thứ ba là*, làm sao để thiết kế được kiến trúc thượng tầng cho việc xây dựng các quy hoạch phát triển thành phố thông minh.

Việc xây dựng thành phố thông minh phải phá vỡ sự “chia cắt thông tin”, vấn đề “ốc đảo thông tin”. Để xây dựng các cơ sở dữ liệu cho trung tâm dữ liệu, dựa trên sự tích hợp dữ liệu của các tổ chức, cơ quan, ban ngành khác nhau, cho phép sự khai thác, ứng dụng nhanh, thì phải mở ra được các tấm “bảo vệ”.

Big Data (Dữ liệu lớn và phức tạp) là động cơ của một thành phố thông minh, trong kỷ nguyên dữ liệu lớn, việc xây dựng thành phố thông minh phải giải quyết các vấn đề về an toàn thông tin. Sự cố “Prism”(Hệ thống do thám của Mỹ) cho thấy cần phải đặt ra yêu cầu cao hơn về an toàn thông tin. Làm thế nào để khiến cho việc xây dựng thành phố thông minh dựa trên nền tảng quản lý dữ liệu có độ bảo mật cao hơn và tin cậy hơn là một công việc quan trọng của các nhà phát triển phần mềm hạ tầng công nghệ thông tin. Theo dự báo của nhiều chuyên gia, với sự ra đời của kỷ nguyên dữ liệu lớn, các ứng dụng dữ liệu mới trong vòng 05 năm tới, hệ thống quản lý dữ liệu sẽ có sự đột phá mới về phát triển hệ thống quản lý an toàn dữ liệu không gian và là chủ đề của các dự án nghiên cứu trọng điểm.

Ở Trung Quốc, việc xây dựng thành phố thông minh đang ở trong chặng đường ban đầu. Để xây dựng thành phố thông minh, nhìn từ triển vọng toàn cầu, thiết kế kiến trúc thượng tầng vẫn còn trong giai đoạn tìm hiểu. Theo các chuyên gia kỹ thuật, việc xây dựng thành phố thông minh có thể được chia ra thành cơ sở hạ tầng tiền xây dựng, các cơ sở xử lý dữ liệu tạm thời và nền tảng dịch vụ hậu xây dựng. Các bên liên quan tham gia bao gồm các nhà sản xuất thiết bị viễn thông, các nhà tích hợp hệ thống, doanh nghiệp, phân tích và thu thập dữ liệu doanh nghiệp, các nhà vận hành viễn thông và



kinh doanh dịch vụ cung cấp dữ liệu.

Theo ông Hào Lợi - Phó Giám đốc Trung tâm Thông tin của Bộ Nhà ở, Phát triển đô thị - nông thôn Trung Quốc, tiền đề cho việc xây dựng thành phố thông minh phải là nhận thức về phát triển đô thị và phát triển đô thị theo pháp luật, nhằm tối ưu hóa thời gian phát triển đô thị và xây dựng không gian. Công nghệ thông tin hiện đại và sự phát triển nhanh chóng của thành phố kết hợp với việc cung cấp hệ thống hỗ trợ ra quyết định thông minh cho các nhà lãnh đạo của thành phố, cung cấp cho nhân dân các dịch vụ công thuận tiện hơn và

đảm bảo an ninh xã hội. Điều đó phải được thể hiện trong 6 mặt chủ chốt, đó là: thông tin liên lạc, giao thông, cấp nước, cấp điện, tổ chức, và người đứng đầu. Rõ ràng là sự thông minh của thành phố cuối cùng sẽ đem lại những thay đổi trong cách thức sinh hoạt và sản xuất của thành phố.

**Lưu Triết**

*Nguồn: Báo Xây dựng Trung Quốc,  
ngày 08/11/2013*

**ND: Khánh Ly**

## **Bê tông vi cốt thép sợi xoắn (HELIX) - Vật liệu vi composite nhiều ưu điểm nổi trội**

Bê tông cốt thép thường được mô tả như vật liệu composite, được chế tạo từ đê mê bê tông và các thanh cốt thép. Do các thanh cốt thép to và phân bố rộng, nên chúng chỉ chịu lực sau khi bê tông xuất hiện các vết nứt lớn (macrocrack). Bởi vậy các thanh cốt thép thường là cốt thép chủ động (reactive).

Vật liệu vi composite có thể được chế tạo bằng cách kết hợp bê tông với vi cốt thép sợi xoắn có thương hiệu HELIX. Bởi vì loại cốt này phân bố đều khắp trong đê mê bê tông và biến dạng liên tục như các thanh thép, chúng chịu tải trọng cả trước lẫn sau khi bê tông phát triển các vết nứt chủ đạo. Bởi vậy vi cốt sợi được gọi là cốt "bị động" (proactive) nhưng cũng chịu lực như cốt thép chủ động ở các mức biến dạng cao hơn.

### **Các cơ chế chức năng của vi cốt thép sợi xoắn HELIX**

HELIX được sản xuất bằng công nghệ sợi xoắn xoắn đũa, cho phép mỗi sợi có thể liên kết chặt chẽ với đê mê composite (bê tông) trên suốt chiều dài sợi. Cốt sợi xoắn khác đáng kể so với cốt sợi thép truyền thống (thông thường), bởi vì độ xoắn tạo ra khả năng kháng rút tốt hơn so với ma sát.

Quan sát biểu đồ biến dạng - tải trọng của composite cốt sợi thép thường và composite cốt vi sợi xoắn thấy rằng: Ở giai đoạn (pha) biến dạng I, hai loại composite này có biểu đồ giống nhau. Sang giai đoạn II, composite sợi thép thường biến dạng và bị phá hoại ở 100 vi biến dạng. Nhưng đối với composite vi sợi xoắn, ở giai đoạn II, tải trọng được phân bố lại dọc theo các vi nứt, composite có thể chịu được tới 200 vi biến dạng trước khi hình thành vết nứt chủ đạo. Sang giai đoạn III, một chi tiết quan trọng cần nhấn mạnh là, composite vi sợi xoắn chịu được biến dạng tới 1000 vi biến dạng mà vi cốt thép không bị rút khỏi đê mê bê tông. Đến giai đoạn IV (1000 - 2000 vi biến dạng), vi cốt sợi xoắn mới bị rút ra khỏi đê mê bê tông.

### **Tính năng của bê tông vi cốt sợi xoắn**

Cường độ kéo là chỉ tiêu kỹ thuật hàng đầu của bê tông vi cốt sợi xoắn. Đối với bê tông vi cốt sợi xoắn, đã áp dụng phương pháp thử kéo trực tiếp để xác định các chỉ tiêu chịu lực bằng cách sử dụng hệ khung chất tải và mẫu trụ thử kéo. Mẫu thử kéo rút đạt tới biến dạng 2% (2000 vi biến dạng). Đo biến dạng mẫu trước và sau khi hình thành vết nứt chủ đạo.

Sử dụng các hỗn hợp với liều lượng vi cốt sợi

thép nhất định, đã xác định được tương quan tỷ lệ giữa tổng tải trọng kéo (dưới 1000 vi biến dạng) là hàm số của cường độ nén bê tông và số chi tiết cốt sợi chạy ngang qua bề mặt vết nứt chủ đạo nghiêng góc 30 độ hay lớn hơn. Hỗn hợp bê tông có cường độ 27,6 Mpa.

Thiết kế vi cốt sợi xoắn được tiến hành theo 4 bước sau đây:

- Tính diện tích cốt thép theo yêu cầu gia cường đối với biến dạng nhiệt và co ngót hay gia cường chịu kéo;

- Chọn nhóm vi cốt sợi theo thiết kế;

- Xác định số lượng vi cốt sợi theo yêu cầu;

- Tính toán lượng dùng vi cốt sợi cho 1 m<sup>3</sup> bê tông.

Sự phân bố vi cốt sợi theo thuộc tính chịu kéo của bê tông. Bước thứ nhất, các kỹ sư cần sử dụng các phương trình thiết kế theo tiêu chuẩn để tính diện tích thép chuẩn theo yêu cầu tại tâm của vùng chịu kéo.

Chọn các nhóm để thiết kế vi cốt sợi dựa trên sự trợ giúp của các điều kiện hình học ứng dụng. Các kết cấu tựa trên đất chỉ cần cốt chịu biến dạng nhiệt và co ngót, thuộc nhóm A. Các

kết cấu tựa trên đất chịu tải trọng như vòm, hay có chi tiết thẳng đứng có các thanh không gian đỡ ngang thuộc nhóm B. Tất cả các kết cấu khác như các sàn bê tông treo thuộc nhóm C.

Tính liều lượng vi cốt sợi dựa trên các phương pháp thiết kế trạng thái giới hạn, với các hệ số tải trọng tính theo thực tế xây dựng. Liều lượng được chọn đối với nhóm A và C nhằm tạo ra cường độ bê tông đạt được giá trị cường độ trung bình tương ứng theo tiêu chuẩn ACI 360R và ACI 318.

Từ năm 2003, khi vi cốt sợi xoắn HELIX xâm nhập thị trường xây dựng, nó đã được ứng dụng rộng rãi trong các công trình bê tông đặc biệt như các kết cấu móng, các tấm lát nền, tường đổ tại chỗ, cầu, các kết cấu chống gió xoáy và bão lớn, các kết cấu chống nổ.

**Luke R. Pinkerton, Joseph L. Stecher & Jeff Novak**

*Nguồn: Tạp chí Concrete International (Mỹ)  
số 10/2013*

**ND: Đinh Bá Lô**

## Quy hoạch lãnh thổ và vấn đề tái tạo năng lượng

Vấn đề mở rộng lãnh thổ hiện nay ngày càng trầm trọng bởi cuộc khủng hoảng năng lượng toàn cầu. Tại Nga, tốc độ đô thị hóa cũng như dân số đô thị tăng liên tục. Sự tập trung hóa cao một bộ phận lớn dân cư, cộng với mật độ xây dựng cao cho thấy quá trình phát triển đô thị hóa, và sự gắn kết các công trình đô thị vào trong quy hoạch. Điều đó chứng tỏ: Sự phát triển luôn bị lợi ích của các nhà đầu tư chi phối, và không phải lúc nào cũng là một kịch bản phát triển hoàn hảo - nếu xét về góc độ sinh thái, hiệu quả năng lượng và định hướng quy hoạch. Thực tế đã chứng minh một điều: Sự di dân gia tăng đồng nghĩa với việc thiên nhiên (chất lượng không khí, nước, đất, hệ động - thực vật) sẽ chịu nhiều tác động không thể cứu vãn

do chính con người gây ra. Khí thải CO<sub>2</sub> của ngành công nghiệp, giao thông và hạ tầng cũng là những nhân tố bổ sung cho quá trình khủng hoảng của môi trường đô thị - điển hình như dầu mỏ, với sản lượng khai thác cao điểm toàn thế giới đã từng đạt được vào năm 2005. Dầu mỏ cũng như nhiều loại tài nguyên thiên nhiên khác - sự khai thác mạnh mẽ trong giai đoạn này được thể hiện bởi biểu đồ khai thác dầu lửa thế giới từ 1900 - 2080, không cạn kiệt ngay lập tức. Quy luật này có liên quan tới từng khu mỏ riêng biệt cũng như từng nước hoặc trên cả hành tinh nói chung. Khi sản lượng khai thác dầu mỏ thế giới gia tăng nhanh chóng và đạt cao điểm trong nửa đầu biểu đồ - chúng ta có thể hiểu sự tiến bộ trong công nghệ khai thác nguồn tài

nguyên; thì sự sụt giảm ghê gớm trong nửa sau của biểu đồ thể hiện sự khan hiếm và giá cả đắt đỏ của sản phẩm dầu mỏ. Điểm cao tối đa trên biểu đồ thể hiện sự khai thác gần một nửa trữ lượng. Sau thời điểm cao trào qua đi, không chỉ việc khai thác bắt đầu bị thu hẹp lại mà chi phí cho công việc này cũng gia tăng. Trong thực tế quy hoạch kinh tế đô thị, điều đó có nghĩa là tổng lượng dầu mỏ thế giới khai thác được năm 1980 tương đương khả năng khai thác dầu mỏ năm 2030.

Quá trình đô thị hóa nhanh chóng và sự gia tăng dân số đô thị làm tăng đáng kể những tác động đối với sinh thái từ mỗi công dân đô thị, ngay cả trong việc ứng dụng các công nghệ năng lượng hiệu quả và tiết kiệm nguồn năng lượng. Tốc độ gia tăng dân số các đô thị giai đoạn từ 2030 - 2050 được dự báo tăng xấp xỉ 2 lần so với giai đoạn từ 1970 -1980. Như vậy, toàn bộ hiệu quả tiết kiệm năng lượng và nguồn tài nguyên trong việc áp dụng các công nghệ hiện đại sẽ mất đi. Tức là nhu cầu tiêu thụ năng lượng của thế giới có thể vượt 1,5 - 2,5 lần so với tiến độ khai thác dầu lửa sau năm 2040.

Viễn cảnh trên thúc đẩy việc nghiên cứu các công nghệ mới nhằm thay thế năng lượng được khai thác. Từ đây nảy sinh vấn đề thực tế: Khi quy hoạch lãnh thổ và xây dựng chiến lược kinh tế, làm thế nào để có thể có và tính toán các thông tin về tiềm năng năng lượng (nước, ánh sáng mặt trời và gió) trong phạm vi quy hoạch?. Đối với đặc điểm khí hậu trên toàn lãnh thổ Nga, khả năng phát triển năng lượng gió rất được quan tâm. Tuy vậy, các khảo sát cho thấy: có thể kết hợp năng lượng gió với các nguồn năng lượng khác dưới dạng tái tạo một cách hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả. Áp dụng các công nghệ tái tạo nguồn năng lượng lồng ghép trong thiết kế các tòa nhà và công trình sẽ mở ra triển vọng mới cho sự phát triển ngành năng lượng tại các chủ thể Liên bang Nga. Trong đó, xem xét các biện pháp đánh giá điều kiện về mặt khí hậu tự nhiên cũng như quy hoạch đô thị

là bước vô cùng quan trọng.

Khi đầu tư mua sắm thiết bị tái tạo năng lượng tại một vùng nào đó, tính bền vững trong xây dựng hệ thống phân bố dân cư có thể đạt được nhờ sự tăng trưởng kinh tế vượt trội và môi trường sống tiện nghi cho mọi cư dân. Mở rộng lãnh thổ và quy hoạch các công trình xây dựng trong đó luôn song hành với sự góp mặt của năng lượng đảm bảo cho toàn vùng lãnh thổ đó. Như đã nói ở trên, nguồn năng lượng tái tạo có ý nghĩa đặc biệt. Liên quan tới các công nghệ tái tạo năng lượng, cần xem xét sự cân bằng và lượng năng lượng được khai thác, cũng như mô hình hóa các tính chất quy hoạch đô thị của nó, bao gồm một loạt các chỉ số (mật độ và diện tích xây dựng, các hạn chế khác nhau...)

Trong khuôn khổ chiến lược tiết kiệm năng lượng hiện hành tại các vùng miền Liên bang, dựa vào các đặc điểm khí hậu địa lý, trong quy hoạch sơ bộ luôn có mặt các công trình sản xuất năng lượng tái tạo. Hiện nay, các nhà máy thủy điện lớn - các nhân tố tạo chỗ lao động cũng như nguồn năng lượng cho sản xuất công nghiệp địa phương cũng như hệ thống năng lượng toàn cầu - có mặt ở khắp nơi. Các công trình thủy dưới nhiều hình thức khác như các trạm phát điện từ năng lượng của sóng và thủy triều ở vùng duyên hải, và các nhà máy thủy điện nhỏ cũng có nhiều tiềm năng phát triển. Nhà máy thủy điện Chelmskay (Nga) là một ví dụ. Biểu đồ sản xuất năng lượng được lập trên cơ sở thống kê các nguồn tài nguyên năng lượng tái tạo của Nga đã biểu thị rất rõ tiềm năng tài nguyên của các nhà máy thủy điện nhỏ tại các vùng. Ngoài ra, các nhà máy thủy điện được xây dựng trên các sông nhỏ, thậm chí suối (dưới hình thức trạm điện mini hoạt động bằng cách chạy các bánh xe nước) cũng có tiềm năng lớn. Chính quy mô ứng dụng các nhà máy thủy điện nhỏ, trạm điện mini khiến năng lượng trên toàn lãnh thổ gia tăng đáng kể. Năng lượng điện tái tạo có thể ứng dụng vào sản xuất công nghiệp địa phương, cung cấp

điện năng cho các công trình ở và công trình công cộng. Trạm điện mini được khuyến khích áp dụng tại các khu vực kinh tế tư nhân và có thể được nhân rộng trong vùng.

Đánh giá sự phân bố tổng lượng bức xạ mặt trời trên lãnh thổ Liên bang, có thể phân ra các khu vực như Viễn Đông, Krasnodarsky và các khu vực, quốc gia tiếp giáp, đặc biệt cộng hòa tự trị Krum thuộc Ucraina. Các trạm điện từ năng lượng mặt trời tại đây hoạt động khá hữu hiệu, do diện tích được chiếu sáng khá đảm bảo, và bầu khí quyển ở đây rất trong lành. Trạm điện của công ty Activ Solar (Áo) tại Simferopol có công suất tới 100 MW.

Việc sản xuất năng lượng tùy thuộc vào sự phân bố tổng lượng mây. Mặt trời là nguồn năng lượng mạnh nhất, sạch nhất và thông dụng nhất trên khắp trái đất. Sự phát triển khoa học kỹ thuật ngày nay đã mở ra triển vọng đáp ứng nhu cầu điện của con người thông qua tái tạo năng lượng mặt trời, trong đó tái tạo nhờ các thiết bị quang phổ là phương pháp ưu việt nhất, và điện quang dựa trên việc sử dụng thiết bị quang phổ là một trong những lĩnh vực phát triển mạnh mẽ nhất của ngành công nghiệp hiện đại.

Hiện nay, các dự án xây dựng nhà máy điện sử dụng năng lượng mặt trời đang được thực hiện khá thành công. Các thiết bị của nhà máy chiếm khá nhiều diện tích, và trong điều kiện mật độ xây dựng cao hiện nay, việc ứng dụng công nghệ trực tiếp tại các tòa nhà là vô cùng cần thiết. Vấn đề ứng dụng các biện pháp công nghệ quang học trong phạm vi các tòa nhà được đặt ra, tuy nhiên những biện pháp hiện hành chưa được quy cách hóa, chưa phù hợp trong xây dựng đại trà, cũng như thiếu tính thẩm mỹ trong thiết kế.

Một trong những giải pháp cho vấn đề này là nghiên cứu công nghệ sản xuất hệ thống module từ các tế bào quang điện hợp nhất trong các kết cấu bao che của tòa nhà / công trình xây dựng mới, và ứng dụng trong khôi

phục các công trình hiện hữu. Theo số liệu đưa ra trong công trình nghiên cứu của một số nhà khoa học, để biến năng lượng mặt trời thành điện, cần định hướng sao cho thiết bị quang điện vuông góc với hướng của tia sáng. Khi bố trí tính thiết bị, cần tính toán cả khả năng điều chỉnh thiết bị theo từng mùa theo độ nghiêng của trục trái đất.

Trên bản đồ hiện nay, hơn 2/3 lãnh thổ Liên bang Nga hội tụ đầy đủ điều kiện để ứng dụng công nghệ quang điện.

Khi nghiên cứu xây dựng đô thị, nhất là định hướng cho các ngôi nhà theo hướng ánh sáng mặt trời, có thể đi tới kết luận: Phần lớn các ngôi nhà được bố trí hoàn toàn không định hướng một cách nghiêm ngặt để có thể thu nhận nhiều ánh sáng nhất. Như vậy, việc tính toán hiệu quả phơi sáng của các panel quang điện trong suốt thời gian ban ngày trong điều kiện chật hẹp sẽ thiếu hợp lý. Khi quan sát các số liệu tổng hợp có thể thấy rõ một điều: Phần lớn lãnh thổ với các điều kiện thuận lợi để ứng dụng tế bào quang điện là những khu vực có mật độ xây dựng thấp. Khi đánh giá tiềm năng năng lượng mặt trời trong quy mô xây dựng đô thị, cần tính tới các điều kiện kỹ thuật của việc bố trí các panel quang điện và thiết bị thu sáng trong điều kiện chật hẹp đối với các mặt tiền hướng nam.

Tiềm năng phong điện của Liên bang Nga cũng khá lớn. Tuy vậy, về đặc điểm công nghệ, các thiết bị có những yếu tố hạn chế. Do vậy, sự phát triển của lĩnh vực này phần nào chịu ảnh hưởng của các nhà sản xuất nước ngoài. Bên cạnh đó, những đặc thù quy hoạch trong việc xây dựng các nhà máy phong điện lớn cũng là một yếu tố hạn chế khách quan. Để tổ chức các nhà máy phong điện (nhà máy phong điện tại vùng Kaliningradskaya chẳng hạn), ngoài phần diện tích riêng của nhà máy, còn cần tổ chức các khu bảo vệ sinh thái. Cần ghi nhận một điều: các nhà máy phong điện sẽ có tác động đáng kể tới hệ động thực vật, do đó

cần phải có sự phối hợp đánh giá tiềm năng phong điện và khung thiên nhiên - sinh thái. Bên cạnh đó, kinh nghiệm khai thác các cánh đồng gió của châu Âu cho thấy: Trong rất nhiều trường hợp, điện không đảm bảo do sự mất cân bằng đáng kể trong sản xuất, bởi có những chi phí năng lượng vượt mức từ các nguồn khác. Các nhà nghiên cứu của trường đại học bách khoa Trestanovsky (Ba Lan) đã kết luận về vấn đề này: Hiệu quả khai thác các cánh đồng gió (phân bố trên khắp lãnh thổ) hoặc các trạm phong điện riêng biệt đều tốt hơn, do tổng lượng gió lớn hơn bởi tác động tương hỗ của chế độ gió với sự quang phổ lớn hơn.

Nghiên cứu trên đây đề ra việc xem xét không chỉ các trạm phong điện công suất vài MW, mà còn cả các trạm phong điện nhỏ công suất chỉ vài KW. Việc phân bố các trạm phong điện trên quy mô rộng trong thời gian tới sẽ khó triển khai hơn, một phần do tác động về mặt âm học và tác động từ rung chấn tới con người.

Khi đánh giá tiềm năng lãnh thổ để quy hoạch và thiết kế xây dựng đô thị cần thống nhất các điều kiện phân bố cánh đồng gió của các trạm phong điện có công suất tính bằng MW. Khi bố trí các trạm phong điện nhỏ trên các tòa nhà, âm thanh, rung chấn cũng là những vấn đề bức thiết, đòi hỏi sự kiểm tra thường xuyên. Để phân bố một cách hiệu quả các trạm phong điện nhỏ, cần đánh giá tình hình luồng gió biên theo bề mặt mái nhà và mặt tiền các công trình. Về mùa hè cần phải tính toán thêm: năng lượng có thể được hình thành tùy thuộc vào việc định hướng tòa nhà theo hướng ánh nắng và hoạt động của mặt trời trong những khoảng thời gian khác nhau để luồng không khí tại chỗ có vận tốc xấp xỉ 3m/s. Đối với một số mô hình, vận tốc đó đủ để khởi động máy phát điện.

Hiện thực hóa các nhiệm vụ quy hoạch lãnh thổ trong tương lai gần phụ thuộc vào việc tính toán sự cân bằng các dạng năng lượng tái tạo, trong đó có các nhiên liệu từ etanol, biogas và

biodiezel. Xem xét tiềm năng năng lượng trong các điều kiện khác nhau cho phép xác định việc thống nhất cũng như trang bị các thiết bị hỗ trợ tái tạo năng lượng trong các tòa nhà và công trình. Điều này cho phép đánh giá triển vọng phát triển, khôi phục các công trình, hình thành các hệ thống phân bố dân cư mới, định hướng tới những khu vực có tiềm năng năng lượng dồi dào nhất trên toàn lãnh thổ. Việc thực hiện các biện pháp cụ thể trong quy hoạch lãnh thổ sẽ không khả thi nếu không xem xét các vấn đề bảo vệ môi trường thiên nhiên kết hợp nghiên cứu khung thiên nhiên sinh thái, và sơ đồ quy hoạch vùng nói chung. Đánh giá sự phân bố tiềm năng năng lượng và việc bố trí các công trình sản xuất năng lượng tái tạo trong khung thiên nhiên sinh thái là một hệ thống cung cấp thông tin phân tích về chất lượng cũng như ý nghĩa của các giải pháp thiết kế trong tổ hợp thiên nhiên và cận thiên nhiên. Khung thiên nhiên sinh thái của lãnh thổ cần bao gồm cả các cơ sở sản xuất năng lượng tái tạo như một yếu tố không thể tách rời trong cơ cấu của mình. Việc bố trí cơ sở hạ tầng các cơ sở sản xuất năng lượng tái tạo cần tính tới một số nguyên tắc sau đây:

- Tính toàn vẹn lãnh thổ của các yếu tố thuộc khung thiên nhiên sinh thái trên lãnh thổ;
- Sự đa dạng sinh học, đa dạng cảnh quan;
- Quan hệ tương hỗ các yếu tố của khung thiên nhiên sinh thái và các cơ sở sản xuất năng lượng tái tạo.

Trên cơ sở những nguyên tắc nêu trên, tiền đề phát triển giải pháp tiếp cận tổng hợp với quy hoạch lãnh thổ có tính tới tiềm năng năng lượng của môi trường xung quanh được hình thành. Việc nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ tái tạo năng lượng được thực hiện trên cơ sở: tòa nhà và các nguồn năng lượng được xem xét trong một tổ hợp được thống nhất, và thống nhất hệ thống quản lý chung giảm thiểu sự thất thoát năng lượng. Ngoài ra, nhờ sự phân bố các thiết bị tái tạo năng lượng trong cấu trúc các tòa

nhà, năng lượng sẽ được thu nhận mà không chiếm thêm một diện tích nào cả, do vậy tiết kiệm tài nguyên đất đai. Đối với những địa hình phức tạp, cảnh quan có độ xanh hóa lớn, càng cần thiết sử dụng thiết bị tái tạo năng lượng trong các tòa nhà. Tất cả những điều trên sẽ giúp quy hoạch lãnh thổ đạt hiệu quả cao do có tính tới các công nghệ sản xuất năng lượng tái

tạo hiện đại, cũng như tính tới các vấn đề bảo vệ môi trường thiên nhiên xung quanh.

**I.V.Dunichkin**

*Nguồn: Tạp chí Kiến trúc & Xây dựng Nga*

*số 8/2013*

**ND: Lê Minh**

## **Các biện pháp và kỹ thuật nâng cao hiệu quả tiết kiệm năng lượng trong xây dựng**

Mặc dù Trung Quốc là một quốc gia giàu năng lượng, nhưng do dân số quá đông, nếu tính lượng tài nguyên trên đầu người thì luôn thấp hơn so với mức trung bình thế giới. Hiện nay, nguồn năng lượng tiêu thụ trực tiếp trong xây dựng chiếm 1/3 tổng mức tiêu thụ năng lượng của toàn xã hội tại Trung Quốc, trong đó, phần lớn là tiêu thụ năng lượng trong các tòa nhà. Do đó, năng lượng hiện nay là vấn đề rất nghiêm trọng của Trung Quốc. Để ngành Xây dựng tiếp tục phát triển bền vững, Trung Quốc cần phải có biện pháp tiết kiệm năng lượng trong xây dựng; kỹ thuật thi công tiết kiệm năng lượng trong xây dựng phải luôn đổi mới; cố gắng giảm mức tiêu hao năng lượng ở mức thấp nhất và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài nguyên. Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả - người đã có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành Xây dựng - thảo luận về các biện pháp và kỹ thuật để nâng cao hiệu quả tiết kiệm năng lượng trong xây dựng.

Tiết kiệm năng lượng trong tòa nhà chủ yếu là tiết kiệm ánh sáng, điều hòa không khí, sưởi ấm... Để làm được điều này, trong quá trình sử dụng nhà ở, thiết kế, cải tạo và quy hoạch, cần lựa chọn những vật liệu, công nghệ, thiết bị có tính năng tiết kiệm năng lượng, thực hiện các tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng, tăng cường tận dụng nguồn tài nguyên tái tạo, giảm mức tiêu thụ nước nóng, chiếu sáng, cấp nhiệt... nâng cao hiệu quả làm mát và làm nóng của hệ

thống điều hòa và tăng cường công tác quản lý vận hành hệ thống năng lượng dùng trong các tòa nhà. Tiết kiệm năng lượng trong xây dựng, có thể nâng cao chất lượng môi trường trong xây dựng và bảo vệ môi trường sinh thái, giảm ô nhiễm không khí, đồng thời, thúc đẩy phát triển nền kinh tế - xã hội và có thể giảm căng thẳng đối với nguồn tài nguyên.

### **I. Thi công tường cách nhiệt**

Thi công hệ thống tường cách nhiệt là một khâu quan trọng trong quá trình thực hiện tiết kiệm năng lượng trong xây dựng. Thông thường, các lớp cách nhiệt trên sẽ được bố trí ở mặt trong hoặc mặt ngoài của tường. Kỹ thuật thi công cách nhiệt mặt trong của tường khá đơn giản, nhưng hiệu quả giữ nhiệt lại không cao như thi công cách nhiệt mặt ngoài. Thi công cách nhiệt mặt ngoài cho tường có thể tiết kiệm diện tích sử dụng, nhưng lại có nhược điểm là độ bám dính kém. Nếu biện pháp thi công không phù hợp sẽ dễ làm cho tường bị nứt, rò rỉ, giảm độ bền và kéo theo một loạt các vấn đề khác. Ngoài ra, chi phí thi công cách nhiệt mặt ngoài cũng cao hơn so với thi công cách nhiệt mặt trong. Đối với những vật liệu cách nhiệt khác nhau, phương pháp thi công và lựa chọn biện pháp kỹ thuật cũng khác nhau. Công nghệ thi công thường sử dụng các phương pháp như trát vữa, sơn, dán, ốp... Đối với những cốt liệu nhẹ như đá trân châu, hạt polystyrene, đá bọt, xỉ núi lửa... khi cho thêm xi

măng, vôi, thạch cao, polyme... và các chất kết dính khác, đồng thời cho thêm một lượng nhỏ phụ gia theo tỷ lệ nhất định sẽ tạo thành vữa cách nhiệt, thường sử dụng phương pháp trát để thi công và yêu cầu vữa cách nhiệt phải được cấp cơ sở nghiệm thu về chất lượng.

Khi trát vữa cách nhiệt sẽ trát theo tuần tự từ trên xuống dưới, khi thi công cần lưu ý: Làm sạch vị trí cần thi công, xử lý cho bề mặt bằng phẳng và đảm bảo bề mặt không ẩm ướt. Đối với những bề mặt tường là bê tông, các dầm hoặc cột trụ xù xì khó bám dính vữa, có thể dùng giấy nhám đánh mịn; Dựa theo tiêu chuẩn yêu cầu thiết kế, khi thi công ốp chân tường, hoặc thi công tại các ô trống để tạo cửa, cần sử dụng vữa xi măng phù hợp và trát với độ dày 50 mm. Để đảm bảo độ dày lớp cách nhiệt cho tường, cần thực hiện theo đúng tiêu chuẩn, mỗi lần trát vữa với độ dày 10 mm lên bề mặt, sau đó chờ cho bề mặt đạt độ khô và đóng rắn nhất định rồi mới tiếp tục trát tiếp. Ngoài ra, cần lưu ý đảm bảo bề mặt tường đạt độ ẩm nhất định nhưng không tưới nước quá nhiều. Trong thời gian vữa chưa khô, không được chạm hoặc để ngoại lực tác động vào làm ảnh hưởng đến kết cấu của vữa cách nhiệt. Đối với lớp vữa cách nhiệt được thi công tại mặt trong hay mặt ngoài của tường đều phải đảm bảo không thấm nước và bị nứt gãy hoặc bị rơi vỡ.

Đối với sơn PU và những vật liệu phủ khác, người Trung Quốc thường sử dụng phương pháp phun. Căn cứ vào những yêu cầu khác nhau của từng loại sản phẩm, kiểm soát chặt chẽ nhiệt độ môi trường thi công, trước khi phun cần làm sạch, khô, bằng phẳng bề mặt thi công, đặc biệt chú ý đảm bảo các lớp phủ được đồng đều và độ dày đạt tiêu chuẩn.

Thông thường, công nghệ ốp tường cách nhiệt chỉ áp dụng cho cách nhiệt tường ngoài. Công nghệ này không những mang lại hiệu quả cách nhiệt cao, mà còn tận dụng tầng không khí và nâng cao tính năng chống thấm, cách nhiệt cho tường, nhưng do chi phí xây tương đối

cao, nên thông thường trong các dự án xây dựng tòa nhà công cộng hoặc khu dân cư, công nghệ này ít được đưa vào sử dụng. Khi sử dụng công nghệ ốp tường cách nhiệt còn phải xem xét tới các yếu tố gây ảnh hưởng như lực gió, động đất, nhiệt độ, mưa, ăn mòn khí quyển, độ bền... Để đảm bảo tính ổn định, cường độ và quá trình thi công hệ thống, cần đặc biệt lưu ý đến chất lượng các đầu nút kết nối, độ chắc chắn của tấm ốp, các biện pháp chống ăn mòn kim loại cho tường...

Cùng với sự phát triển không ngừng của các loại vật liệu mới cách nhiệt cho tường, đồng thời cũng xuất hiện các loại vật liệu kết dính và công nghệ dán tường. Khi thi công miếng dán phải đảm bảo bề mặt được dán sạch sẽ, có độ ẩm thích hợp, đảm bảo lớp chống thấm trên mái tốt và không bị nước từ bên ngoài thâm nhập vào, thi công dán theo tuần tự từ trên xuống dưới và bắt đầu dán từ phần góc trong của tường.

## II. Thi công lắp đặt cửa sổ và cửa ra vào

Hệ số truyền nhiệt và độ kín trên khung cửa sổ và cửa kính là một trong những mắt xích quan trọng trong việc tiết kiệm năng lượng. Hệ số truyền nhiệt của cửa gỗ và cửa nhựa thấp hơn khoảng 30% so với cửa sắt và cửa nhôm; loại cửa có 2 lớp kính có hệ số truyền nhiệt thấp hơn khoảng 40% so với loại cửa có 1 lớp kính. Do đó, loại cửa có khung bằng nhựa và có 2 lớp kính có giá cả tương đối hợp lý và thường được người dân lựa chọn sử dụng. Để đảm bảo rằng các cửa ra vào và cửa sổ có thể đạt được yêu cầu tiết kiệm năng lượng như dự kiến, trong quá trình lắp đặt cần chú ý một số vấn đề sau:

1. Căn cứ theo yêu cầu thiết kế, khi lựa chọn cửa sổ và cửa ra vào, phải xem xét tới tính năng chịu áp lực gió, khả năng thẩm thấu nước mưa, khả năng lưu thông không khí... và nhiều chỉ tiêu khác.

2. Khi lắp đặt cửa sổ và cửa ra vào, phải liên tục kiểm tra chiều dọc của khung cửa, khả năng biến hình, các chỉ tiêu về vết nứt. Nếu cánh cửa không đảm bảo độ kín thì không được đưa vào

sử dụng.

3. Giữa khung cửa và cánh cửa, giữa các cánh cửa với nhau phải luôn đảm bảo độ khít. Để ngăn chặn tình trạng thẩm thấu nước, luôn thoáng khí, rãnh kéo cửa cửa trơn trượt, phải tăng cường xử lý đảm bảo cửa được khít chặt. Đối với những kẽ hở lớn ở trên cánh cửa, có thể dùng keo dán bịt kín lại.

4. Tại những điểm tiếp xúc giữa khung cửa sổ, cửa ra vào với tường, cột trụ, dầm... cần phải dùng vữa xi măng để xử lý khe hở. Đối với bề mặt cửa tiếp xúc với bên ngoài có thể kết hợp với việc trang trí, để ngăn chặn việc thẩm thấu nước và đảm bảo thoáng khí.

5. Khi dùng keo dán để bịt kín các khe hở trên cửa, phải đảm bảo điểm dán được xử lý sạch, khô, không có bụi bẩn.

### III. Thi công cách nhiệt cho mái nhà

Mục đích của việc cách nhiệt cho mái chính là hạ hệ số dẫn nhiệt, giảm tỷ lệ hấp thụ nước, lắp đặt những vật liệu cách nhiệt có tính năng

chống thấm nước. Hiện trên thị trường có rất nhiều vật liệu cách nhiệt cho mái như bê tông cốt liệu nhẹ, tấm Polystyren, tấm bê tông gia khí... Mặc dù những vật liệu này mang lại hiệu quả cao trong công tác chống thấm và cách nhiệt, thuận tiện trong việc sửa chữa, bảo trì, nhưng do chi phí của chúng còn cao nên chưa được sử dụng rộng rãi trong các khu dân cư. Để cách nhiệt cho mái, thông thường người ta sẽ bố trí bộ phận thông gió, các vật liệu cách nhiệt hiệu quả cao, hay có thể trồng cây xanh trên mái. Đây cũng là một hình thức đang được nhiều người dân sử dụng, vì nó vừa có hiệu quả cách nhiệt, vừa mang tính thẩm mỹ và gần gũi với tự nhiên .

**Đỗ Tranh**

*Hiệp hội tiết kiệm năng lượng trong  
xây dựng Trung Quốc*

*Nguồn : <http://www.safehoo.com>*

**ND: Bích Ngọc**



## **Bộ Xây dựng và Tổng Công ty Đất đai và nhà ở Hàn Quốc ký Bản ghi nhớ hợp tác**

Ngày 4/12/2013 tại Hà Nội, đã diễn ra Lễ ký Bản ghi nhớ về hợp tác Bộ Xây dựng Việt Nam và Tổng Công ty đất đai và nhà ở Hàn Quốc (LH). Tham dự Lễ ký, về phía Việt Nam có Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam và lãnh đạo các Cục, Vụ, Văn phòng Bộ Xây dựng; về phía Hàn Quốc có ông Lee Jai-yeong - Chủ tịch Công ty LH, ông You Byeong-Kwon - Vụ trưởng Vụ Chính sách đất đai - Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông Hàn Quốc, ông Sohn Woo Joon - Tham tán Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam và các lãnh đạo của Tổng Công ty LH.

Phát biểu tại Lễ ký, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng bày tỏ vui mừng và hoan nghênh ông Lee Jai-yeong - Chủ tịch Tổng Công ty LH cùng các lãnh đạo của Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông Hàn Quốc đã đến Bộ Xây dựng tham dự Lễ ký Bản ghi nhớ hợp tác giữa Bộ Xây dựng Việt Nam và Tổng Công ty LH, đồng thời cho biết, việc ký Bản ghi nhớ hợp tác giữa hai bên diễn ra trong bối cảnh hai nước đang có mối quan hệ hợp tác hết sức tốt đẹp trên tất cả các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, kinh tế, thương mại, đầu tư, văn hóa. Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cũng đánh giá cao hoạt động đầu tư tại Việt Nam của các doanh nghiệp Hàn Quốc và cảm ơn Chính phủ Hàn Quốc luôn dành khoản viện trợ ODA cho Việt Nam - đã mang lại lợi ích cho cả hai nước, giúp Việt Nam cải thiện cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và giúp nền kinh tế Việt Nam phát triển.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cho biết, trong những năm qua, Bộ Xây dựng Việt Nam và Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông Hàn Quốc đã có sự hợp tác chặt chẽ và hiệu quả. Thông qua việc trao đổi các đoàn công tác giữa hai bên, Bộ Xây dựng Việt Nam đã học hỏi được nhiều kinh nghiệm của Hàn Quốc để nghiên cứu, áp dụng trong việc xây dựng và hoàn thiện các cơ



*Toàn cảnh Lễ ký*

chế chính sách trong các lĩnh vực đầu tư xây dựng, quản lý phát triển đô thị, phát triển thị trường bất động sản và nhà ở. Sự kiện Bộ Xây dựng Việt Nam và Tổng Công ty LH của Hàn Quốc ký kết bản ghi nhớ hợp tác ngày hôm nay là bước triển khai các chủ trương hợp tác đã thống nhất giữa hai Bộ và là sự khởi đầu cho sự hợp tác giữa hai bên trong việc nghiên cứu cơ chế chính sách, xây dựng các giải pháp cụ thể về tổ chức thực hiện để người dân nghèo của Việt Nam có thể cải thiện được nhà ở.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng bày tỏ hy vọng, trên cơ sở mối quan hệ hợp tác toàn diện tốt đẹp giữa hai nước, với trách nhiệm và tình cảm của mình, hai bên sẽ nỗ lực phối hợp để tháo gỡ mọi sự cản trở đối với quá trình hợp tác, biến các thỏa thuận hợp tác sớm trở thành hiện thực.

Cám ơn những tình cảm tốt đẹp mà Bộ trưởng Bộ Xây dựng Việt Nam Trịnh Đình Dũng đã dành cho đất nước và nhân dân Hàn Quốc, Chủ tịch Tổng Công ty LH Lee Jai-yeong bày tỏ vui mừng được đến thăm Hà Nội - nơi hội tụ của văn hóa và cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp.

Chủ tịch Lee Jai-yeong cho biết, Tổng Công ty LH Hàn Quốc là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, hoạt động chủ yếu trong các lĩnh vực phát triển khu công nghiệp, đô thị mới và nhà ở. Với bề dày truyền thống 50 năm và với tư cách

là doanh nghiệp nhà nước chủ đạo giải quyết vấn đề nhà ở của Hàn Quốc, thông qua Bản ghi nhớ hợp tác quan trọng này, Tổng Công ty LH hi vọng sẽ có thể giúp đỡ được Việt Nam trong lĩnh vực phát triển đô thị và nhà ở, đồng thời mong muốn hai bên sẽ không ngừng nỗ lực

thực hiện các thỏa thuận, chia sẻ với nhau những bài học thành công cũng như thất bại, để thúc đẩy nhanh hơn nữa quá trình phát triển của Việt Nam.

Minh Tuấn

## **Hội thảo Tổng kết, đánh giá 30 năm hợp tác phát triển giữa Phần Lan và Việt Nam trong lĩnh vực cấp thoát nước và vệ sinh môi trường**

Ngày 04/12/2013 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng và Đại sứ quán Phần Lan tại Việt Nam đã phối hợp tổ chức Hội thảo tổng kết, đánh giá 30 năm hợp tác phát triển giữa Phần Lan -Việt Nam trong lĩnh vực cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, ký Hiệp định tài trợ cho Chương trình Nước và Vệ sinh cho các thị trấn nhỏ tại Việt Nam giai đoạn 3. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang, Đại sứ Phần Lan tại Việt Nam Kimmo Lahdevitra đã đến dự và phát biểu chào mừng Hội thảo.

Tham dự Hội thảo còn có đại diện lãnh đạo các Bộ, ngành liên quan; các tỉnh, thành phố có dự án do Phần Lan tài trợ; các nhà tài trợ quốc tế: Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), Tổ chức hợp tác kỹ thuật Đức (GIZ); các chuyên gia của Phần Lan và Việt Nam trong lĩnh vực cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường.

Báo cáo tại Hội thảo về quá trình hợp tác giữa Phần Lan và Việt Nam, TS. Nguyễn Tường Văn - Phó Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng cho biết, từ tháng 1/1973, Phần Lan và Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao, từ đó đến nay đã trải qua 40 năm, mối quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác nhiều mặt giữa hai nước luôn được duy trì và phát triển. Trong 40 năm quan hệ ngoại giao, Phần Lan đã đồng hành cùng với Việt Nam và có những đóng góp tích cực cho sự nghiệp phát triển kinh



*Thứ trưởng Cao Lại Quang trao Kỷ niệm chương và Bằng khen của Bộ Xây dựng cho Ngài Kimmo Lahdevitra - Đại sứ Phần Lan tại Việt Nam và các chuyên gia Phần Lan*

tế, xóa đói giảm nghèo của Việt Nam.

Trong suốt 40 năm hợp tác phát triển giữa Phần Lan và Việt Nam, ngành cấp thoát nước và vệ sinh môi trường luôn được Chính phủ hai nước quan tâm và là một trong những lĩnh vực được ưu tiên hàng đầu của viện trợ Phần Lan dành cho Việt Nam. Sự hợp tác trong lĩnh vực này kéo dài trong suốt 30 năm qua.

Sự hỗ trợ của Phần Lan dành cho ngành cấp thoát nước và vệ sinh môi trường của Việt Nam bao gồm hỗ trợ kỹ thuật để nghiên cứu thể chế, chính sách, mô hình xã hội hóa dịch vụ cấp nước và vệ sinh môi trường; tăng cường năng lực cho các công ty cấp nước, thoát nước và vệ sinh môi trường của các tỉnh, thành phố, thị trấn trong sản xuất và kinh doanh một cách bền vững; đầu tư cải tạo và xây dựng mới một số

công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường ở nhiều địa phương khác nhau của Việt Nam.

Phương thức hỗ trợ vốn ODA của Phần Lan gồm viện trợ không hoàn lại và vốn vay ưu đãi. Đã có nhiều tỉnh, thành phố được thụ hưởng vốn ODA Phần Lan như Hà Nội, Hải Phòng với hai Chương trình cấp nước cho hai thành phố này và hai giai đoạn của Chương trình nước và vệ sinh các thị trấn của Việt Nam của 08 tỉnh gồm: Hải Phòng, Hưng Yên, Thái Bình, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Yên Bái, Hà Giang, Cao Bằng.

Những kết quả hợp tác và nguồn vốn hỗ trợ của Phần Lan trong suốt 30 năm qua đã góp phần đáng kể cho việc cải thiện dịch vụ cấp nước sạch chất lượng cao và dịch vụ vệ sinh cho nhân dân, nhất là người nghèo đô thị, và thúc đẩy phát triển kinh tế của các tỉnh có dự án, góp phần quan trọng cải thiện đời sống nhân dân.

Tại Hội thảo, các đại biểu đại diện các tỉnh, thành phố của Việt Nam - được thụ hưởng dự án cấp thoát nước và vệ sinh môi trường do Phần Lan tài trợ đều đánh giá cao hiệu quả của các dự án, đồng thời bày tỏ sự cảm ơn Chính phủ Phần Lan, các chuyên gia Phần Lan trong việc giúp Việt Nam cải thiện chất lượng cấp nước và vệ sinh môi trường, đào tạo cán bộ vận hành, quản lý trong lĩnh vực cấp thoát nước và vệ sinh môi trường của các địa phương.

Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Cao Lại Quang gửi lời cảm ơn Bộ Ngoại giao Phần Lan, Đại sứ quán Phần Lan tại Việt Nam đã phối hợp với Bộ Xây dựng tổ chức Hội thảo này, cho rằng đây là dịp để hai bên cùng nhìn lại chặng đường đã qua, vui mừng và tự hào về những kết quả đã đạt được trong mối quan hệ lâu dài và bền vững giữa hai Chính phủ trong lĩnh vực cấp thoát nước và vệ sinh môi trường. Là một trong hai quốc gia đầu tiên hỗ trợ ODA cho Việt Nam từ 40 năm trước, Phần Lan luôn coi trọng chính sách viện trợ, xem đây là một phần quan trọng trong chính sách đối ngoại của mình. Chương trình cấp nước Hà Nội (1985 -



Thứ trưởng Cao Lại Quang và Đại sứ Kimmo Lahdevitra ký kết Hiệp định

2001) là một trong những Chương trình khởi đầu của mối quan hệ hợp tác phát triển giữa hai nước trong lĩnh vực cấp thoát nước và vệ sinh môi trường. Với tổng số vốn cam kết ODA trị giá 385 triệu USD cho thời kỳ 1993 - 2012, Phần Lan đã dành ưu tiên hàng đầu cho việc phát triển các công trình cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, xử lý rác thải trên cả 3 miền Bắc, Trung, Nam của Việt Nam. Bên cạnh những công trình có quy mô lớn, đầu tư tại những đô thị trung tâm như Hà Nội, Hải Phòng, Bình Dương, Quảng Nam, những công trình cấp nước cho các đô thị nhỏ ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào thiểu số ở Hà Giang, Tuyên Quang, Bắc Kạn, Yên Bái, Cao Bằng đã cho thấy chính sách hỗ trợ hợp tác toàn diện của Phần Lan, giúp Việt Nam đạt được các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ, nhất là mục tiêu xóa đói giảm nghèo. Viện trợ phát triển của Phần Lan đang hỗ trợ hết sức hiệu quả cho Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan hoàn thiện hệ thống chính sách, tăng cường năng lực về thể chế, cải cách công tác quản lý, phát triển nguồn nhân lực, chuyển giao công nghệ và nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, làm nền tảng cho sự phát triển bền vững, lâu dài của Việt Nam.

Theo Thứ trưởng Cao Lại Quang, sự hỗ trợ của Phần Lan không chỉ là đồng vốn khi Việt Nam còn đang nghèo, sự hỗ trợ kỹ thuật khi Việt Nam còn đang khó khăn trong quá trình

chuyển đổi nền kinh tế, mà còn mang đậm tình hữu nghị, tinh nhân văn, tinh thần cộng đồng tương trợ, được phản ánh thông qua những hình ảnh, ấn tượng tốt đẹp trong lòng người dân Việt Nam về sự tận tụy, hết lòng vì công việc của các chuyên gia Phần Lan.

Nhân dịp kỷ niệm 30 năm quan hệ hợp tác phát triển Phần Lan - Việt Nam, thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Cao Lại Quang đã trao tặng Kỷ niệm chương và Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng cho Ngài Kimmo Lahdevitra - Đại sứ Phần Lan tại Việt Nam và các chuyên gia Phần Lan - những người đã có

những đóng góp quan trọng cho quan hệ hợp tác giữa Phần Lan và Việt Nam trong lĩnh vực cấp thoát nước và vệ sinh môi trường.

Cũng tại Hội thảo, các đại biểu tham dự đã chứng kiến sự kiện Thứ trưởng Cao Lại Quang và Đại sứ Phần Lan Kimmo Lahdevitra thừa ủy quyền của hai Chính phủ ký Hiệp định về việc Chính phủ Phần Lan tiếp tục hỗ trợ Việt Nam triển khai chương trình Nước và Vệ sinh các đô thị nhỏ của Việt Nam giai đoạn III.

**Minh Tuấn**

## **Hội thảo Mô hình tiết kiệm nhà ở của CHLB Đức và kinh nghiệm cho Việt Nam**

Ngày 06/12/2013 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng và Đại sứ quán CHLB Đức tại Việt Nam, Ngân hàng Tiết kiệm nhà ở Schwabisch Hall đã phối hợp tổ chức Hội thảo “Mô hình tiết kiệm nhà ở của CHLB Đức và kinh nghiệm cho Việt Nam”. Tới dự Hội thảo có ông Nguyễn Trần Nam - Thứ trưởng Bộ Xây dựng; ông Nguyễn Đồng Tiến - Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, bà Nguyễn Thanh Hải - Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; bà Jutta Frasch - Đại sứ Đặc mệnh toàn quyền CHLB Đức tại Việt Nam; ông Christian Oestreich - Trưởng phòng Thị trường quốc tế của Ngân hàng tiết kiệm nhà ở Schwabisch Hall; và đại diện các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương; các Hội, Hiệp hội chuyên ngành Xây dựng; đại diện một số ngân hàng thương mại khu vực phía Bắc; các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản; các chuyên gia trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng và kinh doanh bất động sản.

Phát biểu chào mừng Hội thảo, bà Jutta Frasch cho rằng, đây là một Hội thảo rất quan trọng để hai bên trao đổi về những kinh nghiệm trong việc xây dựng mô hình ngân hàng tiết kiệm nhà ở của CHLB Đức, về những khó khăn,



*Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam phát biểu khai mạc Hội thảo*

đặc thù của Việt Nam cũng như khả năng áp dụng mô hình này ở Việt Nam. Thông qua đó, bà Jutta Frasch cũng bày tỏ hi vọng mô hình ngân hàng tiết kiệm nhà ở của CHLB Đức sẽ được áp dụng thành công ở Việt Nam như nó đã thành công ở Đức, Trung Quốc và một số nước châu Âu khác, tạo dấu ấn cho sự hợp tác gắn bó giữa hai nước, không chỉ trên quan hệ chính trị - ngoại giao mà còn thông qua các dự án kinh tế mang lại lợi ích cho cả hai bên.

Khai mạc Hội thảo, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam nêu rõ, mô hình tiết kiệm nhà ở đang được nhiều nước trên thế giới áp

dụng như Trung Quốc, CHLB Đức, CH Séc và các nước châu Âu khác, là một định chế tài chính chuyên biệt, vừa huy động được nguồn tiền nhàn rỗi của người dân để phục vụ cho việc phát triển nhà ở, vừa tạo được hình thức tiết kiệm của các hộ gia đình, cá nhân để tích cực và chủ động tham gia vào việc tạo lập nhà ở cho hộ gia đình mình. Thông qua Hội thảo này, Bộ Xây dựng mong muốn có thêm cơ sở thực tiễn và kinh nghiệm của nước ngoài trong việc xây dựng mô hình tiết kiệm nhà ở làm căn cứ để đưa vào quy định trong Luật Nhà ở sửa đổi dự kiến sẽ được báo cáo Chính phủ và trình Quốc hội xem xét thông qua vào năm 2014.

Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam cũng cho biết thêm, trong những năm qua, việc phát triển nhà ở nói chung và phát triển nhà ở cho người thu nhập thấp, người nghèo và các đối tượng chính sách xã hội nói riêng luôn được Nhà nước Việt Nam coi là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhằm đáp ứng nhu cầu về nhà ở ngày càng cao của người dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế và thực hiện chính sách an sinh xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, việc phát triển nhà ở cũng đã và đang phát sinh những tồn tại và bất cập, đặc biệt là vấn đề huy động nguồn tài chính cho hoạt động này. Thời gian qua, nguồn tài chính phục vụ cho phát triển nhà ở chủ yếu được huy động từ sự hỗ trợ của Nhà nước thông qua cấp vốn ngân sách, hỗ trợ tín dụng, hỗ trợ miễn giảm tiền sử dụng đất và các loại thuế, phí; huy động từ các tổ chức tín dụng thương mại - nguồn cung vốn chủ yếu cho phát triển nhà ở thương mại của các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản; huy động từ các thành phần kinh tế bằng nguồn vốn tự có của các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển nhà ở, vốn hợp tác đầu tư, liên doanh, liên kết, vốn từ tiền mua nhà trả trước của người mua nhà. Do ngân sách nhà nước còn nhiều hạn chế, các nguồn vốn từ các định chế tài chính còn hạn hẹp, nên trong những năm qua, hoạt động phát



*Đại sứ đặc mệnh toàn quyền CHLB Đức tại Việt Nam - bà Jutta Frasch phát biểu chào mừng Hội thảo*

triển nhà ở chủ yếu dựa vào nguồn tín dụng thương mại. Khi khủng hoảng tài chính xảy ra, các tổ chức tín dụng thắt chặt hoặc ngừng cho vay, đã dẫn đến tình trạng các doanh nghiệp đầu tư bất động sản gặp nhiều khó khăn do thiếu vốn, thị trường bất động sản trầm lắng, gây tác động xấu đến nền kinh tế và xã hội. Để khắc phục tình trạng trên, Nhà nước cần ban hành các quy định, các chính sách cụ thể nhằm hình thành các kênh huy động vốn chuyên biệt phục vụ cho việc phát triển nhà ở nói riêng và bất động sản nói chung nhằm giảm bớt sự phụ thuộc vào nguồn vốn của các tổ chức tín dụng thương mại. Đây cũng là mục tiêu và yêu cầu đặt ra cho việc nghiên cứu xây dựng các quy định về tài chính cho việc phát triển nhà ở trong dự án Luật Nhà ở sửa đổi sẽ được báo cáo Quốc hội xem xét thông qua vào năm 2014. Bộ Xây dựng cho rằng, ngoài hệ thống tín dụng thương mại như hiện nay, thì Luật Nhà ở sửa đổi cần phải có quy định về việc hình thành nên các định chế tài chính mới, vừa để đa dạng hóa các kênh huy động vốn, vừa để thu hút nguồn tiền nhàn rỗi của người dân cho phát triển nhà ở, như quỹ phát triển nhà ở, quỹ tín thác bất động sản, và đặc biệt là mô hình ngân hàng tiết kiệm nhà ở.

Tại Hội thảo, các chuyên gia của Ngân hàng tiết kiệm nhà ở Schwabisch Hall đã trình bày và giới thiệu về mô hình tiết kiệm nhà ở - kinh

nghiệm của Đức và quốc tế, hệ thống pháp luật bảo vệ người gửi tiền tiết kiệm nhà ở cũng như các nguyên lý hoạt động của hệ thống tiết kiệm nhà ở và kinh nghiệm phát triển ngân hàng tiết kiệm nhà ở của Đức tại Trung Quốc. Các tham

luận được trình bày tại Hội thảo đã thu hút được sự quan tâm của đông đảo đại biểu tham dự.

**Minh Tuấn**

## **Đổi sách và định hướng phát triển giao thông nông thôn ở thành phố Tam Môn Hiệp, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc**

Những năm gần đây, cùng với việc cả nước thúc đẩy công tác xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế và xây dựng nông thôn mới, giao thông nông thôn của thành phố Tam Môn Hiệp, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc cũng nhanh chóng được phát triển hướng tới thực hiện mục tiêu kết nối các thôn, trấn với nhau. “Kế hoạch 5 năm lần thứ 12” và chiến lược xây dựng “giao thông” của thành phố Tam Môn Hiệp đã có ý nghĩa rất quan trọng trong việc phát triển giao thông nông thôn của thành phố trong tương lai. Nội dung của bài viết này, tác giả chủ yếu phân tích hiện trạng xây dựng giao thông nông thôn của thành phố Tam Môn Hiệp và phân tích những vấn đề chính còn tồn tại, đưa ra những đề xuất giúp cho giao thông của thành phố phát triển hơn.

### **I. Tổng quan**

Thành phố Tam Môn Hiệp là một địa cấp thị nằm ở phía Tây, thuộc tỉnh Hà Nam, địa hình chủ yếu là đồi núi, điều kiện giao thông nông thôn trước đây tương đối kém, chính điều này đã làm hạn chế sự phát triển kinh tế trong khu vực nông thôn. Từ năm 2003 trở lại đây, từ Trung ương cho tới chính quyền cấp tỉnh, các cơ quan chủ quản giao thông, phát triển và cải cách, tài chính... đã ban hành một loạt các chính sách liên quan tới giao thông nông thôn, nội dung trong các chính sách đều quy định rõ ràng về các tiêu chuẩn xây dựng đường giao thông nông thôn, kế hoạch thực hiện, tài chính và quản lý bảo trì... Thành phố Tam Môn Hiệp

đã nắm bắt cơ hội này, từ lãnh đạo chính quyền thành phố cho đến người dân đều quan tâm và dồn mọi nguồn lực để xây dựng đường giao thông, dựa vào giao thông nông thôn để vực kinh tế nông thôn phát triển. Thành phố đã xây dựng kế hoạch thực hiện mục tiêu kết nối giao thông giữa các thôn từ kế hoạch 5 năm lần thứ 11, nhờ đó đã làm thay đổi diện mạo và môi trường sống cho vùng nông thôn, cải thiện chất lượng cuộc sống và văn minh trong khu vực nông thôn cho người dân, đặt nền móng cho việc mở rộng xây dựng nông thôn mới, tạo ra không gian sinh thái phù hợp với thành phố Tam Môn Hiệp.

### **II. Những vấn đề và hiện trạng xây dựng đường giao thông nông thôn**

#### **1. Hiện trạng và đặc điểm của hệ thống đường giao thông nông thôn**

Đường giao thông nông thôn là cơ sở hạ tầng và là một bộ phận quan trọng trong mạng lưới giao thông, trong đó, chủ yếu bao gồm: đường giao thông của huyện, đường giao thông của hương và thôn. Đặc điểm đặc trưng của hệ thống giao thông của thành phố Tam Môn Hiệp là có nhiều tuyến đường, trong đó có những tuyến đường rất dài, được xây dựng bằng nhiều nguồn vốn, hầu hết có chất lượng thấp, nhiệm vụ bảo trì và quản lý nặng nề. Theo các số liệu thống kê, năm 2012, thành phố Tam Môn Hiệp đã xây dựng và bảo trì 8.224 km đường giao thông nông thôn, chiếm 89% mạng lưới đường toàn thành phố. Đường bê tông có tổng chiều

dài 4.821km; đường bê tông nhựa là 768km; đường rải sỏi là 2.635km; đường cấp huyện là 1.445km; cấp hương là 1.662km; cấp thôn là 5.117km; đường đạt tiêu chuẩn cấp 2 là 276km, đường đạt cấp 3 là 568km; đường cấp 4 là 5.222km, các đường khác là 2.158km.

## **2. Những vấn đề trong xây dựng đường giao thông nông thôn**

Nguyên nhân chính xuất phát từ quy hoạch giao thông chưa tốt và tiêu chuẩn không cao. Có một số đường giao thông nông thôn chưa được quy hoạch tốt, chất lượng đường giao thông không đồng đều, nên đã dẫn đến một loạt các vấn đề như mặt đường bị hỏng, lòng đường hẹp... khiến cho việc đi lại không thông thoáng, không tạo thành một mạng lưới đường giao thông liên kết trong khu vực. Mặt khác, một số tuyến đường giao thông nông thôn còn bị hạn chế bởi nguồn vốn thực hiện, tiêu chuẩn thi công thấp, lòng đường hẹp, dốc và nhiều khúc cua, nên không đáp ứng được nhu cầu giao thông của người dân và kìm hãm sự phát triển kinh tế trong khu vực.

Một nguyên nhân khác là do công tác quản lý và bảo trì yếu kém, kinh phí duy tu bảo dưỡng hạn hẹp. Đối với đường giao thông nông thôn, đến nay vẫn chưa có một cơ chế quản lý và bảo trì hiệu quả lâu dài, nên công tác quản lý và bảo trì kém hiệu quả, nhiều tuyến đường chịu sự quá tải của xe cộ qua lại, lưu lượng giao thông lớn, khiến cho mặt đường bị phá hỏng nặng nề. Mặt đường giao thông bị nước mưa phá hoại nghiêm trọng trong mùa mưa. Ngoài ra, trên các tuyến đường nông thôn, vẫn còn tình trạng người dân chất đống phế thải, phơi phóng các sản phẩm nông nghiệp... chiếm dụng lòng đường làm ảnh hưởng đến sự an toàn của người tham gia giao thông.

Các cấp chính quyền địa phương là những chủ thể chịu trách nhiệm trong việc xây dựng và bảo trì đường giao thông nông thôn, nhưng chưa phát huy được vai trò hướng dẫn và chỉ đạo. Ngân sách quá hạn hẹp nên việc quản lý

và bảo trì đường giao thông nông thôn chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển.

## **III. Kiến nghị về phát triển giao thông nông thôn**

Mục tiêu đề ra từ nay đến năm 2020, Trung Quốc sẽ triển khai xây dựng xã hội toàn diện, trong đó, việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn sẽ được chú trọng và tăng cường. Nắm bắt cơ hội này, tác giả bài viết đã đưa ra những kiến nghị hữu ích cho công tác phát triển giao thông nông thôn hiện tại và về sau, đồng thời căn cứ vào mục tiêu kế hoạch phát triển giao thông nông thôn 5 năm lần thứ nhất, hoàn thiện các biện pháp xây dựng, quản lý và bảo trì, mở rộng các nguồn vốn, nâng cao năng lực xây dựng, phát huy tính tích cực của nhân dân, hình thành một mạng lưới giao thông nông thôn thông thoáng, an toàn và thuận tiện.

### **1. Kiến nghị đối với giao thông nông thôn**

#### **- Quy hoạch tổng thể, bố cục hợp lý**

Căn cứ vào “Ý kiến chỉ đạo xây dựng đường giao thông nông thôn trong Kế hoạch 5 năm lần thứ 12” của Bộ Giao thông Vận tải; căn cứ vào những yêu cầu cơ bản “Mở rộng thành quả, hoàn thiện cơ sở vật chất, nâng cao năng lực, thống nhất đô thị và nông thôn”, quy hoạch giao thông nông thôn thành phố Tam Môn Hiệp phải phù hợp với điều kiện của địa phương; thực hiện theo lộ trình, phát triển cân bằng, để người dân được hưởng các dịch vụ từ sự phát triển đường giao thông nông thôn; kết nối thông suốt giữa các huyện, hương, thôn; thay thế những chiếc cầu đã xuống cấp nối liền từ huyện xuống hương, hay những con đường chật hẹp và những con đường liên kết các thôn với nhau; nâng cao năng lực lưu thông và khả năng ứng phó thiên tai.

#### **- Thiết kế tối ưu hóa, bảo vệ môi trường**

Khi thiết kế giao thông nông thôn phải tuân thủ nguyên tắc “An toàn, thực tế, kinh tế, môi trường, bền vững”. Tiêu chuẩn thiết kế phải phù hợp với điều kiện địa hình, địa chất, mức độ phát triển kinh tế, nhu cầu giao thông vận tải

trong khu vực... đáp ứng các chức năng sử dụng và đảm bảo an toàn. Việc lựa chọn các tuyến đường, tốt nhất nên dựa trên nền móng đã có từ trước, hạn chế tối đa việc thu hồi đất hay phá dỡ, đào bới hay chôn lấp, tránh gây thiệt hại cho thực vật và làm ảnh hưởng tới địa chất, chú trọng tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường. Kết cấu mặt đường có thể lựa chọn sử dụng bê tông nhựa hoặc bê tông, nhưng cần ưu tiên đường bê tông để có thể giảm áp lực bảo trì và kéo dài tuổi thọ sử dụng. Chú trọng tới công tác thiết kế cầu, cống, nút giao, công trình thoát nước và thiết bị phòng hộ an toàn.

*- Tăng cường quản lý, đảm bảo chất lượng*

Khi thi công đường giao thông nông thôn phải quán triệt thực hiện theo “Biện pháp quản lý xây dựng đường giao thông nông thôn” của Bộ Giao thông Vận tải, kết hợp với tình hình thực tế tiến hành quản lý xây dựng; căn cứ vào nội dung quy hoạch để thiết kế xây dựng, đảm bảo thực hiện tốt tổng thể mục tiêu đề ra; thực hiện đấu thầu phải tuân thủ trình tự, phải công khai, công bằng và minh bạch, ưu tiên lựa chọn doanh nghiệp nào đưa ra giá thầu hợp lý, có năng lực, trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm trong công tác thi công và quản lý giám sát; tăng cường quản lý an toàn, chất lượng trong quá trình thi công, tuân thủ yêu cầu thiết kế và quy định thi công, cần thiết lập phòng thí nghiệm xây dựng đường giao thông nông thôn, kiện toàn cơ chế thưởng phạt và chế độ quản lý xây dựng đường giao thông nông thôn. Đối với những dự án đạt tiêu chuẩn nghiệm thu phải kịp thời bàn giao quản lý và bảo trì.

## **2. Kiến nghị về công tác bảo trì đường giao thông nông thôn**

*- Kiện toàn cơ chế và phân rõ trách nhiệm*

Chính quyền địa phương là chủ thể có trách nhiệm quản lý và bảo trì đường giao thông nông thôn, công tác quản lý và bảo trì đường giao thông nông thôn phải được chính quyền cấp Huyện, Hương (trấn) đưa vào mục tiêu công việc hàng năm và phải kết hợp với tình hình

thực tế để thực hiện, thống nhất quy định tiêu chuẩn đánh giá chất lượng bảo trì và cơ chế thưởng phạt tương ứng. Các hương (trấn) cần thiết lập trạm bảo dưỡng đường giao thông nông thôn. Nhân viên quản lý bảo trì phải ký hợp đồng chịu trách nhiệm về bảo trì, như vậy mới có thể xác định rõ trách nhiệm và phạm vi quản lý bảo dưỡng.

*- Hoàn thiện các biện pháp, thực hiện tốt khâu bảo trì*

Sở Giao thông Vận tải tỉnh Hà Nam cần triển khai các hoạt động liên quan tới đường giao thông nông thôn, triển khai công tác bảo trì đường giao thông, hoàn thiện các biện pháp bảo trì, kết hợp giữa công tác bảo trì hàng năm với công tác bảo trì theo mùa, làm sao để công tác bảo trì luôn được ổn định.

*- Xây dựng đội ngũ, đảm bảo đường giao thông được thông suốt*

Công tác bảo trì đường giao thông nông thôn mang tính dài hạn, liên tục và nặng nề, nên việc tăng cường thiết lập một đội ngũ bảo trì đường giao thông nông thôn là việc làm cần thiết, dựa trên nguyên tắc “Thống nhất lãnh đạo, phân cấp trách nhiệm, chú trọng hiệu quả, bảo trì toàn diện, đảm bảo thông suốt” để thực hiện bảo trì. Trạm bảo trì phải có phòng làm việc riêng biệt, phải có máy móc bảo dưỡng và nhân viên quản lý bảo dưỡng chuyên nghiệp. Đối với đường giao thông ở các Thôn, nhân dân tại khu vực đó có thể nhận thầu bảo trì. Cơ quan quản lý giao thông nông thôn phải định kỳ chỉ đạo kiểm tra và bồi dưỡng kỹ thuật về công tác bảo trì, nhằm nâng cao năng lực đội ngũ bảo trì đường giao thông.

## **3. Kiến nghị về nguồn vốn dành cho đường giao thông nông thôn**

*- Tập trung nguồn vốn*

Công tác xây dựng, quản lý, bảo trì và nguồn vốn luôn có sự liên kết chặt chẽ với nhau. Nên cần phải hoàn thiện các chính sách tập trung nguồn vốn cho giao thông nông thôn, tăng cường đầu tư trái phiếu xây dựng cơ sở hạ



tăng giao thông nông thôn, tăng thuế mua xe. Trong công tác dự toán tài chính, chính quyền địa phương phải phân chia theo tỷ lệ nhất định nguồn vốn xây dựng và bảo dưỡng, sao cho đáp ứng với nhu cầu phát triển đường giao thông nông thôn trong khu vực.

- *Quản lý nguồn vốn*

Nguồn vốn xây dựng, quản lý và bảo trì đường giao thông nông thôn sẽ được quản lý dựa trên quy trình quản lý dự toán ngân sách, tăng cường kiểm toán và giám sát, đảm bảo vốn được quản lý và tính toán chặt chẽ. Chính quyền địa phương phải căn cứ vào tiến độ công trình để thanh toán theo đúng kỳ hạn, tình hình sử dụng vốn phải công khai, minh bạch.

Tăng cường xây dựng, nâng cao năng lực đội ngũ quản lý, chú trọng nghiên cứu và mở rộng ứng dụng các kỹ thuật mới, vật liệu mới, công nghệ mới trong công tác thi công đường giao thông nông thôn là việc làm cần thiết và cần duy trì, thông qua các phương tiện truyền thông, phổ biến những kinh nghiệm tiên tiến và những thành quả đạt được để nâng cao tầm nhìn và ảnh hưởng của giao thông nông thôn.

**Diêu Soái**

*Nguồn: Tạp chí Xây dựng Đô thị & Nông thôn Trung Quốc số 5/2013*

**ND: Bích Ngọc**

## **Khu Lịch Hạ, thành phố Tế Nam, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc: Đổi mới quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ vệ sinh môi trường**

Môi trường vệ sinh đô thị là tiêu chí quan trọng của văn minh đô thị, là nhân tố quan trọng nâng cao chỉ số sức hấp dẫn và chỉ số hạnh phúc, thúc đẩy kinh tế, xã hội phát triển hài hòa.

### **I. Những vấn đề nổi cộm trong quản lý môi trường đô thị**

*Một là*, làm sao để thích ứng với nhu cầu phát triển tốc độ cao của đô thị. Trong 10 năm gần đây, công tác giữ gìn vệ sinh đô thị phát triển nhanh chóng, môi trường đô thị không ngừng được cải thiện, việc giữ gìn vệ sinh đô thị dần dần chuyển biến sang mô hình công tác với sự phối hợp giữa tác nghiệp dọn dẹp vệ sinh của công nhân và tác nghiệp làm sạch, phun nước của máy móc. Tuy nhiên, do việc đẩy nhanh tốc độ hiện đại hóa đô thị, đặc biệt là sự tăng trưởng mạnh mẽ của dân số lưu động, mô hình giữ gìn vệ sinh này không thể thích ứng với nhu cầu phát triển thực tế, hiệu suất công tác giữ gìn vệ sinh môi trường, trình độ tác nghiệp và năng lực phục vụ cần phải được nâng cao hơn nữa.

*Hai là*, làm sao để nâng cao mức độ chất lượng trong tác nghiệp giữ gìn vệ sinh. Sự mất cân bằng trong quản lý đô thị và môi trường đô thị, cụ thể ở các khu vực phố chính luôn tốt hơn những khu vực xung quanh, các tuyến đường chính tốt hơn các ngõ ngách nhỏ, thời gian làm việc và các ngày lễ tốt hơn vào ban đêm. Thể chế quản lý với “Hai cấp chính quyền (thành phố, quận/huyện), ba cấp quản lý (thành phố, quận/huyện, thị trấn và làng quê hoặc các phố), bốn cấp mạng lưới (thành phố, quận/huyện, các phố hoặc thị trấn và làng quê, khu phố hoặc thôn) cần phải hoàn thiện hơn nữa, mức độ chất lượng trong công tác vệ sinh môi trường cần được nâng cao hơn.

*Ba là*, làm sao để thực hiện “quản lý đô thị vì nhân dân”. Ý thức chủ thể trong việc tự giác bảo vệ môi trường sạch đẹp của một bộ phận người dân thành phố khá yếu kém, những hiện tượng như vứt rác bừa bãi, khạc nhổ tùy tiện, đổ bừa bãi các phế liệu xây dựng... vẫn còn tồn tại. Chế độ đãi ngộ phúc lợi cho các nhân viên vệ

sinh môi trường chưa cao, quyền lợi hợp pháp vẫn bị tổn hại đã làm ảnh hưởng tới sự ổn định và tính tích cực trong công tác của đội ngũ vệ sinh môi trường.

## **II. Quản lý môi trường đô thị khoa học, tỉ mỉ và nhân văn**

### **1. Dựa vào lực lượng khoa học kỹ thuật để chấn hưng ngành vệ sinh môi trường, nỗ lực xây dựng công tác quản lý đô thị khoa học**

Khoa học kỹ thuật là lực lượng sản xuất đầu tiên, thực hiện sự phát triển nhảy vọt trong công tác vệ sinh môi trường. Vì vậy, cần thay đổi phương thức tác nghiệp truyền thống, thực hiện cơ giới hóa trong các biện pháp tác nghiệp vệ sinh môi trường, thông minh hóa trong sát hạch quản lý đô thị hàng ngày, nâng cao tốc độ và chất lượng tác nghiệp giữ gìn vệ sinh, nâng cao hình tượng trong quản lý đô thị, giảm cường độ lao động cho nhân viên vệ sinh.

*Một là*, đẩy mạnh triển khai sử dụng các loại xe dọn vệ sinh, xe vận chuyển rác thải, nâng cao toàn diện mức độ cơ giới hóa trong công tác vệ sinh môi trường.

*Hai là*, phát huy đầy đủ tác dụng công nghệ số hóa, thực hiện thông minh hóa trong sát hạch quản lý đô thị thường ngày. Lợi dụng hệ thống kiểm tra, kiểm soát điện tử, mạng lưới internet, mạng không dây 3G, từng bước xây dựng thông minh hóa công tác quản lý đô thị.

### **2. Đẩy mạnh tiến trình chi tiết hóa giữ gìn vệ sinh đô thị, nỗ lực xây dựng công tác quản lý đô thị kỹ lưỡng**

*Một là*, thực hiện chi tiết hóa tiêu chuẩn nghiệp vụ vệ sinh môi trường. Cho dù là khu vực mặt bằng như các tuyến đường chính, các con phố nhỏ... hay khu vực mặt cắt như các loại cây cối, mái nhà..., một khi đã là môi trường trong tầm mắt nhìn thấy được thì đều liệt vào phạm vi giữ gìn vệ sinh.

*Hai là*, thực hiện chi tiết hóa trong sát hạch nghiệp vụ vệ sinh môi trường thường ngày. Cần nỗ lực đẩy mạnh mô hình quản lý tổng hợp với “quản lý bảng biểu hóa, giám sát số hóa”, đề ra

“Biện pháp thực hiện quản lý qua sát hạch hiệu quả quản lý bảng biểu hóa và giám sát số hóa vệ sinh môi trường” và “Quy định bổ sung”, kết hợp quản lý bảng biểu hóa giữ gìn vệ sinh và giám sát số hóa quản lý đô thị, nâng cao chất lượng vệ sinh đô thị và hiệu quả trong phát hiện và xử lý các vấn đề về quản lý đô thị.

### **3. Xây dựng quan điểm công tác lấy con người làm gốc, nỗ lực xây dựng công tác quản lý đô thị nhân văn**

Quan tâm tới đời sống người dân, phục vụ người dân, khích lệ lòng nhiệt tình của nhân dân trong việc tham gia xây dựng đô thị .

- *Thực hiện thông minh hóa chức năng dịch vụ của cơ sở vệ sinh môi trường*

*Một là*, theo nguyên tắc quan tâm tới cuộc sống người dân, vì lợi ích người dân, xây dựng các công trình trọng điểm mang lại lợi ích cho cuộc sống người dân, cụ thể là Trung tâm vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt hiện đại hóa. Trung tâm vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt này được đầu tư 270 triệu NDT, diện tích đất chiếm dụng 77,95 mẫu, diện tích công trình là 12.819,29 m<sup>2</sup>, và khả năng vận chuyển trên 1 nghìn tấn rác mỗi ngày. Sau khi đưa vào sử dụng, Trung tâm này sẽ giúp loại trừ triệt để những vấn đề về rác thải, mùi hôi, nước thải từ các trạm trung chuyển rác thải loại nhỏ trong khu vực.

*Hai là*, lấy việc xây dựng các trạm trung chuyển làm cơ hội. Tháng 2/2012, khu vực Lịch Hạ đã triển khai công tác thí điểm phân loại rác thải sinh hoạt, thành lập văn phòng và tổ lãnh đạo công tác thí điểm phân loại rác thải, các văn phòng đại diện cho các con phố thí điểm do tổ chỉ đạo phân loại rác thải đảm nhiệm (gồm Chủ nhiệm Ủy ban Quản lý thành phố, Chủ nhiệm Ủy ban Cộng đồng dân cư, Trưởng khu nhà ở thí điểm), mỗi nơi thí điểm sẽ bố trí 2 - 3 người chỉ đạo. Hiện tại, toàn khu có hơn 300 chỉ đạo viên, phụ trách công tác phân loại rác thải dài hạn. Về mặt tài chính, mỗi năm tài chính khu dành khoản tiền không dưới 5 triệu NDT cho quỹ

phân loại rác thải. Ngoài ra, khu còn xây dựng các cơ chế khích lệ hiệu quả, thực hiện các biện pháp khen thưởng theo tỷ lệ phân loại rác và hạch toán mỗi tháng đối với các Ủy ban Cộng đồng dân cư và Trưởng khu nhà ở.

Ba là, kiên trì nguyên tắc sinh thái, xanh sạch, thuận tiện, không mùi hôi, đẩy mạnh cải tạo xây dựng các nhà vệ sinh công cộng lớn.

- *Chủ động hóa dịch vụ quản lý đô thị*

Đội ngũ nhân viên giữ gìn vệ sinh với hơn 1.600 người được phân bố rộng rãi trong toàn khu vực và được trang bị túi phục vụ nhân dân, bên trong túi có các vật dụng phục vụ sinh hoạt như bản đồ giao thông, các hộp thuốc nhỏ, khăn lau, băng dán, thuốc uống... Đội ngũ được trang bị như vậy là để có thể chủ động trong các dịch vụ tiện ích như chỉ dẫn đường đi, trợ giúp y tế... Sáng kiến phục vụ này đã trở thành một điểm sáng trong dịch vụ quản lý đô thị của Lịch Hạ.

Thiết kế và phát các thẻ liên hệ dịch vụ tiện ích, công khai phương thức liên hệ với người phụ trách công tác vệ sinh môi trường trong khu vực, bao gồm cả nội dung dịch vụ. Phương pháp này giúp thu hẹp khoảng cách giữa nhân dân và cơ

quan quản lý đô thị.

- *Thực hiện xã hội hóa, đô thị hóa trong quản lý nhân viên vệ sinh môi trường*

Bắt đầu từ năm 2012, khu vực đã thực hiện tốt các chế độ phúc lợi cho các nhân viên vệ sinh môi trường như đóng bảo hiểm xã hội, lập tài khoản thẻ cho các nhân viên quá tuổi công tác, các ngày lễ như Tết, rằm Trung thu... đều phát thưởng 500 NDT nhằm nâng cao tinh thần làm việc cho các nhân viên, tăng sức hấp dẫn cho công tác vệ sinh môi trường.

Đẩy mạnh khoa học kỹ thuật, nâng cao mức độ cơ giới hóa là con đường tất yếu thực hiện sự phát triển vượt trội trong công tác quản lý đô thị; kiên trì nâng cao quản lý vệ sinh môi trường, nâng cao chất lượng tác nghiệp vệ sinh môi trường là biện pháp hiệu quả để nâng cao chất lượng môi trường đô thị.

**Châu Tuấn Như**

*Nguồn: Tạp chí Xây dựng đô thị và nông thôn Trung Quốc, số 9/2013*

**ND: Kim Nhạn**

## **Biện pháp dự phòng khe nứt thường gặp trong kết cấu bê tông cốt thép**

### **I. Nguyên nhân hình thành khe nứt trong kết cấu bê tông cốt thép**

Cùng với sự đẩy nhanh trong tiến trình xây dựng đô thị hóa tại Trung Quốc, kết cấu bê tông cốt thép trong công trình đường sá được ứng dụng cực kỳ rộng rãi. Bê tông là một loại vật liệu có tính năng đặc biệt, do chịu ảnh hưởng của nhiều điều kiện khác nhau, trong kết cấu bê tông cốt thép thường xuyên phát sinh các khe nứt. Khi khe nứt vượt quá một độ rộng nhất định sẽ gây ra những ảnh hưởng nghiêm trọng đối với an toàn của kết cấu bê tông. Để giảm bớt những ảnh hưởng của khe nứt đối với kết cấu bê tông cốt thép, cần tiến hành phân tích những nguyên nhân cấu thành khe nứt.

Căn cứ vào những nghiên cứu thực tiễn về khe nứt của kết cấu bê tông, có thể thấy những nguyên nhân chủ yếu gây ra các khe nứt gồm có sự xem xét thiếu chu toàn khi thiết kế, tỷ lệ phối trộn bê tông chưa hợp lý, không căn cứ các tiêu chuẩn quy phạm của thiết kế trong khi thi công, bảo dưỡng chưa đạt yêu cầu... Khi tiến hành thiết kế, kết cấu bê tông cũng chịu ảnh hưởng của trình độ người thiết kế, việc tính toán xuất hiện sai sót, kích thước tiết diện cấu kiện thiết kế bất hợp lý, phân bố cốt thép ở mặt cắt không đầy đủ, tuần tự phân phối thép không hợp lý khiến cho sức chịu tải và độ cứng của kết cấu không đủ, biến dạng quá lớn gây ra khe nứt. Ngoài ra, không tuân theo những yêu cầu

quy phạm thiết kế khi tiến hành thi công và bảo dưỡng hoặc khi cốt liệu bê tông có hàm lượng xi măng lớn... bề mặt kết cấu bê tông sẽ xuất hiện các khe nứt.

## **II. Biện pháp dự phòng đối với các khe nứt thường gặp**

Đối với nguyên nhân gây ra khe nứt trong các kết cấu bê tông cốt thép cần tăng cường kiểm soát vật liệu, kiểm soát quá trình thiết kế, thi công cũng như công tác bảo hộ trong quá trình sử dụng nhằm đảm bảo những nguy hại từ các khe nứt được giảm xuống thấp nhất có thể.

### **1. Dự phòng khe nứt do co ngót**

*- Về phương diện vật liệu*

Để tránh phát sinh các khe nứt do co ngót, khi lựa chọn vật liệu cần căn cứ vào chỉ tiêu thiết kế vật liệu cần thiết cho kết cấu bê tông cốt thép, cố gắng lựa chọn loại xi măng portland hoặc xi măng portland thông thường có lượng co rút khi khô không lớn lại sớm đạt được yêu cầu về cường độ. Trong quá trình sản xuất thực tế, thông thường chúng ta chọn dùng loại xi măng có lượng co ngót nhỏ hay chọn sử dụng xi măng portland nhiệt độ vừa hoặc thấp và xi măng bột tro xỉ, giúp lượng sử dụng bê tông giảm xuống. Ngoài ra, cũng có thể thông qua kiểm soát tỷ lệ nước/xi măng, thêm các loại chất làm giảm nước hiệu quả cao để tăng độ sụt bê tông và giúp dễ dàng thao tác, giảm các biện pháp về sử dụng nước và xi măng để ngăn chặn việc phát sinh khe nứt.

*- Về tỷ lệ phối trộn*

Tỷ lệ nước/xi măng là một trong những nhân tố ảnh hưởng gây ra co ngót bê tông. Thông thường, tỷ lệ nước/xi măng càng lớn, co ngót càng nhiều. Vì vậy, trong thiết kế tỷ lệ phối trộn bê tông cần nghiêm chỉnh căn cứ thiết kế tỷ lệ phối trộn, đồng thời cho thêm các chất giảm nước hợp lý, kiểm soát tỷ lệ cường độ bê tông. Cần bảo đảm lượng nước sử dụng của bê tông tuyệt đối không được lớn hơn lượng nước sử dụng được định rõ trong thiết kế tỷ lệ phối trộn.

*- Về công tác bảo dưỡng hậu kỳ*

Tại rất nhiều con đường, sau khi kết cấu bê tông được đổ xong, công tác bảo dưỡng đều không đạt đến yêu cầu quy phạm thiết kế. Đối với những công trình đường sá ứng dụng bê tông tính năng cao, thông thường tỷ lệ nước/xi măng nhỏ, cần một lượng lớn vật liệu gel kết dính, tính bền chặt tốt, tiết nước ít, do đó càng cần tăng cường bảo dưỡng cho kết cấu bê tông để tránh dẫn đến co ngót. Trong thực tế thi công, khi lượng nước trên bề mặt hỗn hợp bê tông có tốc độ bay hơi vượt quá  $0,5 \text{ kg/m}^2$ , bê tông sẽ xuất hiện hiện tượng co ngót. Đối với hiện tượng này, cần kéo dài thời gian bảo dưỡng giữ ẩm. Theo các nghiên cứu thực nghiệm có liên quan, tỷ lệ co ngót của bê tông được bảo dưỡng 2 tuần giảm 20% so với tỷ lệ co ngót của bê tông được bảo dưỡng chỉ có 3 ngày. Vì vậy, để tránh việc phát sinh các khe nứt do công tác bảo dưỡng hậu kỳ không chu đáo, sau khi đổ bê tông xong cần duy trì thời gian bảo dưỡng không được ít hơn 14 ngày.

### **2. Dự phòng khe nứt do các phản ứng hóa học**

Việc xảy ra các phản ứng hóa học trong kết cấu bê tông cốt thép là khó tránh, tuy nhiên để dự phòng những nguy hại nghiêm trọng đối với kết cấu do việc phát sinh các phản ứng hóa học cần kiểm soát nghiêm ngặt hàm lượng clorua và hàm lượng kiềm trong bê tông. Ngoài ra, cần đảm bảo chất lượng nước sử dụng trước khi trộn bê tông; thông qua giảm bớt tỷ lệ nước/xi măng, căn cứ theo yêu cầu đầm nén bê tông để tiến hành tác nghiệp nhằm giảm bớt tỷ lệ thẩm thấu, ngăn chặn tác dụng ăn mòn mại. Cần tăng cường kiểm nghiệm xi măng, ngăn chặn sử dụng xi măng có chứa nhiều canxi oxit phân li hoặc có thể đưa vào sử dụng sau khi đã được xử lý.

### **3. Dự phòng khe nứt do nhiệt độ**

Việc dự phòng các khe nứt do nhiệt độ chủ yếu biểu hiện ở việc lựa chọn sử dụng xi măng portland nhiệt độ thấp hoặc trung bình, ví dụ xi măng xỉ quặng, xi măng bột tro xỉ... Giảm lượng

dùng xi măng: Tỷ lệ nước/xi măng cũng là nhân tố quan trọng gây ra các khe nứt do nhiệt độ tại kết cấu, phải kiểm soát tỷ lệ nước/xi măng trong bê tông ở mức dưới 0,6; thông qua cải thiện cấp phối cốt liệu bê tông, thêm bột tro xỉ hoặc chất làm giảm nước hiệu quả cao... để giảm lượng dùng của xi măng, giảm nhiệt phân. Trong bê tông cũng có thể cho thêm một lượng nhất định các chất làm giảm nước, tăng độ dẻo, làm chậm đông... để cải thiện tính lưu động, tính giữ nước, giảm nhiệt phân, trì hoãn thời gian xuất hiện các cao điểm nhiệt. Sắp xếp hợp lý trình tự thi công, đổ bê tông theo tầng, theo mảng để tiện cho việc tản nhiệt. Bên trong các khối bê tông có thể tích lớn cần bố trí các đường ống làm mát, thông nước mát hoặc làm mát không khí nhằm giảm sự chênh lệch nhiệt độ bên trong và bên ngoài bê tông, kịp thời lựa chọn các biện pháp làm mát, bảo hộ và bảo dưỡng.

#### 4. Dự phòng các khe nứt khác

Các khe nứt của kết cấu bê tông cốt thép trong các công trình đường sá chủ yếu là các khe nứt lún. *Trước tiên*, có thể lựa chọn các biện pháp gia cố và đầm chặt kết cấu bên trên đất

móng hoặc vùng đất yếu trước khi thi công. *Tiếp đến*, đảm bảo cốt pha có đủ cường độ và độ cứng, có thể chống đỡ vững chắc; tiếp theo nữa là ngăn chặn sự xâm nhập của nước trong quá trình đổ bê tông; cuối cùng, thời gian tháo dỡ cốt pha không được quá sớm, chú ý tháo dỡ theo thứ tự trước sau, đồng thời tăng cường việc giám sát, kiểm tra chất lượng, làm tốt các phương án thiết kế thi công.

#### III. Kết luận

Tóm lại, kết cấu bê tông cốt thép xuất hiện khe nứt chủ yếu do thiết kế chưa chu toàn, thi công thiếu quy phạm... Để tránh tạo ra một số khe nứt, cần nghiêm chỉnh tuân theo các quy phạm, tiêu chuẩn có liên quan của nhà nước khi tiến hành thiết kế, thi công nhằm tạo điều kiện, cơ sở vững chắc cho sự an toàn của kết cấu bê tông cốt thép.

Vương Miêu

*Nguồn: TC Xây dựng và Kiến trúc Trung Quốc, số 14/2013*

Kim Nhạn

## **Xây dựng diện mạo đô thị là nội dung quan trọng của đô thị hóa kiểu mới**

### **Đô thị hóa kiểu mới và diện mạo đô thị**

Sau 35 năm Trung Quốc tiến hành công cuộc cải cách và mở cửa, tốc độ đô thị hóa diễn ra ngày càng nhanh chóng. Theo thống kê của Bộ Xây dựng đô thị nông thôn và nhà ở Trung Quốc, tính đến cuối năm 2012 tỷ lệ đô thị hóa trên toàn quốc đạt 52,6%, trong khi tỷ lệ đô thị hóa tính theo dân số hộ tịch chỉ đạt 35,2% (báo cáo của viện Khoa học xã hội Trung Quốc), như vậy tỷ lệ đô thị hóa thực của nước này chỉ đạt 42,2%.

Chính phủ Trung Quốc trong những năm qua đã đưa ra nhiều quy định và chính sách để thực hiện và kiểm soát quyết liệt quá trình đô thị hóa, căn cứ theo điều kiện của quốc gia, của

địa phương để đưa ra lộ trình đô thị hóa riêng, phù hợp. Chính vì thế, Trung Quốc không có những mô hình đô thị có mật độ tập trung cao hay mô hình đô thị lớn chủ đạo như ở Nhật Bản, Hàn Quốc; cũng không giống như các nước ở Châu Mỹ đô thị hóa quá nhanh, vượt mức cho phép, dẫn đến sự chênh lệch đáng kể trong đô thị, khu thì giàu có sang trọng, khu thì sập xệ “ổ chuột”; cũng không giống như nước Mỹ, đô thị hóa kiểu rải rác, mật độ thấp, phạm vi quá rộng, dẫn đến những bất cập về giao thông, tài nguyên tiêu hao, sử dụng đất lãng phí.

Nhìn nhận một cách tổng thể thì đô thị hóa ở Trung Quốc vẫn tồn tại một số vấn đề liên quan đến đời sống của người dân, đặc biệt là

sau hai cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Tăng trưởng kinh tế thế giới suy giảm nghiêm trọng, trong bối cảnh đó, đô thị hóa ở Trung Quốc cần phải tích cực phát triển kinh tế xã hội ổn định.

Đương nhiên, không thể phủ nhận những kết quả đạt được từ quá trình đô thị hóa diễn ra trong suốt 30 năm qua, như đã được giải quyết một số vấn đề thông qua việc cải cách sâu rộng, đã tìm được một hướng đi mới cho con đường đô thị hóa. Báo cáo của Hội nghị Trung ương 3 Đảng Cộng Sản Trung Quốc khóa 18 đã chỉ rõ “kiên trì đi theo con đường đô thị hóa mới mang bản sắc Trung Quốc, thúc đẩy đô thị hóa lấy con người làm trung tâm, phát triển hài hòa giữa đô thị nhỏ với thành phố lớn, thành phố vừa và nhỏ, liên kết phát triển các ngành nghề tổng hợp, sản xuất kinh doanh trong đô thị, thúc đẩy hài hòa giữa phát triển đô thị hóa và xây dựng nông thôn mới. Tối ưu hóa kết cấu không gian và cơ cấu quản lý đô thị, tăng cường chức năng tổng hợp trong đô thị”.

Đô thị hóa kiểu mới là thực hiện các bước để tiến hành đô thị hóa, không thể chỉ “hóa” năng lực lao động mà không “hóa” gia đình, phải thực hiện được dân cư hóa đô thị, tức là người nông dân chuyển thành người dân đô thị; không thể chỉ tạo ra không gian sống tập trung cho người dân, mà cần phải xác định rõ cơ cấu ngành nghề sản xuất cho từng khu vực; không thể chỉ dựa vào tài nguyên để sản xuất, mà phải sử dụng hợp lý không để lãng phí, sản xuất theo tiêu chuẩn cacbon thấp; không thể chỉ tập trung phát triển các thành phố lớn và vừa, mà phải phát triển đồng đều giữa các thành phố, phát triển hài hòa giữa đô thị hóa và xây dựng nông thôn mới; không thể chỉ coi trọng đô thị hóa về mặt hình thức mà không quan tâm tới văn hóa, phải bảo tồn di sản và truyền thống địa phương, giữ gìn bản sắc dân tộc, xây dựng diện mạo đô thị tươi đẹp.

Từ những lý do trên cho thấy diện mạo đô thị cũng là một trong những phần quan trọng trong

quá trình xây dựng đô thị hóa kiểu mới. Đô thị cần có “phong cách và hình ảnh” thể hiện được đặc điểm nổi bật của đô thị. Trên thực tế, thước đo của nó chính là cơ sở vật chất hạ tầng đô thị, cảnh quan... Và thực tế vật chất tồn tại không chỉ phản ánh môi trường sống và sản xuất của con người mà còn phản ánh cả ý thức và tinh thần của người dân, mỗi địa phương có bản sắc văn hóa khác nhau, phản ánh đặc điểm sinh sống sản xuất khác nhau thì diện mạo đô thị nơi họ sống cũng phải khác nhau.

### **Thực trạng diện mạo của các đô thị ở Trung Quốc hiện nay**

Diện mạo của đô thị và hiện trạng của các thành phố ở Trung Quốc hiện nay như thế nào? Nếu chỉ lướt qua các thành phố ở Trung Quốc, chúng ta sẽ thấy: Thành phố nào cũng rộng lớn, đâu đâu cũng thấy những khu nhà mới, công trình mới với những tòa tháp chọc trời, thành phố như cao hơn. Có thống kê cho thấy 87% những tòa nhà chọc trời trên thế giới là được xây dựng ở Trung Quốc, độ cao của công trình xây dựng cao tầng còn cao hơn cả độ cao được thế giới công nhận là 152 m. Cả Trung Quốc hiện nay có 356 tòa nhà. Với tốc độ xây dựng nhanh chóng như hiện nay, thì chỉ 5 năm sau số lượng có thể đạt đến 800 tòa nhà, gấp 4 lần nước Mỹ.

Thành phố càng ngày càng mới hơn, trong các thành phố của Trung Quốc xuất hiện rất nhiều công trình kiến trúc mới, phần lớn đều là những công trình có thiết kế mang phong cách lạ, độc đáo và đẹp mắt, thậm chí có những công trình thế giới cũng phải ngưỡng mộ. Nhưng nếu như đi sâu vào trong lòng thành phố thì mới phát hiện ra những vấn đề: Thành phố quá đông đúc, áp lực sống tăng cao, cuộc sống rất “khó thở”, nguy cơ về bệnh tật cao. Nếu so sánh với hình ảnh 1 con người thì thành phố càng ngày càng không còn là chính nó mà như đang oằn mình gánh vác nhiều thứ vượt quá sức chịu đựng.

Những vấn đề bất cập xảy ra là do trong quá

trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng, chúng ta đã phá hủy nhiều công trình quan trọng ảnh hưởng đến hệ thống giao thông, điện nước, công trình ngầm, không chỉ làm mất đi những di tích văn hóa, những con đường mang tính lịch sử, mà ngay cả những công trình mới được xây dựng lên với kiến trúc đương đại cũng gây ra những “thảm họa kiến trúc” khó chấp nhận khi sự tồn tại của nó không ăn nhập với không gian vốn có của đô thị. Xây dựng mới nhưng không đáp ứng được yêu cầu về diện mạo và hình thái đô thị như mong muốn của người dân.

Người Trung Quốc thường nói câu “Ngàn thành nhất diện”, vậy “diện” ở đây có nghĩa là gì? Nhiều thành phố có lịch sử lên đến vài nghìn năm, nhưng đến nay thật khó để có thể nhìn thấy một hay vài “Cây đại thụ” gắn liền với lịch sử, cũng càng ngày càng khó nhận ra những nét cổ kính, hay dấu ấn thời gian trên các công trình kiến trúc cổ, mà thay vào đó là một “rừng” bê tông cốt thép, hoặc những công trình kiến trúc hiện đại, lạ mắt, thậm chí có những công trình không mang phong cách nào cả, không có văn hóa, không có bản sắc, nông cạn và nhạt nhẽo.

*Thứ hai* là ưa chuộng phong cách Tây. Ở Trung Quốc, bạn có thể dễ dàng nhìn thấy những tòa nhà mang hình dạng gần giống tòa nhà quốc hội Mỹ, hay những công trình mang phong cách Pháp, những điểm trang trí công cộng mang phong cách La Mã, những tượng đài hay đài phun nước mang phong cách Ý, thậm chí có cả bản sao của thành phố nổi tiếng Châu Âu trong lòng thành phố Trung Quốc. Ngay cả người nước ngoài khi đến Trung Quốc cũng phải thốt lên đầy ngạc nhiên như thể cả thế giới đều tụ hội về Trung Quốc, nhưng tất cả chỉ là bản sao chép, nó thực sự không có giá trị kiến trúc và văn hóa. Trên thực tế nó giống như bạn đang đeo những chiếc mặt nạ khác nhau vậy.

*Thứ ba* là xây dựng những công trình mang kiến trúc không phù hợp với hoàn cảnh. Nhiều công trình công cộng ngày càng đánh mất đi bản sắc văn hóa của người Á Đông, đặc biệt là

nét trang nghiêm, thanh lịch, tinh tế và thuần khiết, mà thay vào đó là họa tiết kiến trúc rối rắm, khoa trương, cổ quái, nhe nanh múa vuốt rất ghê rợn, kết quả chỉ thấy một mớ chi tiết hỗn độn, lập dị và không phù hợp với thuần phong mỹ tục.

Chính những công trình kiến trúc như trên đã làm mất đi bản sắc và phong cách kiến trúc tinh tế của Trung Quốc. Mất đi đặc trưng là mất đặc điểm nhận dạng, đặc biệt là đối với những thành phố cổ mang bề dày lịch sử hàng ngàn năm, những thành phố mang đậm nét văn hóa vùng miền, dân tộc, sự tích lũy về lịch sử và văn hóa hình thành nên dân tộc, trải qua năm tháng phát triển không lưu giữ lịch sử và di tích đồng nghĩa với việc làm mất đi văn hóa. Những cái mới thay thế cái cũ, những phố cổ thay bằng phố mới, nhà cổ di tích cổ thay bằng tòa nhà, trung tâm thương mại mới. Cứ tiếp tục như vậy diện mạo đô thị sẽ thay đổi hoàn toàn và nhận diện Trung Quốc cũng khác đi. Những hình ảnh lịch sử có lẽ chỉ còn tồn tại trên phim ảnh và sách báo. Sẽ thật khó để hình dung khi không có sự tồn tại hiện hữu của các công trình cổ, những công trình “giả cổ” cũng không thể truyền tải hết được giá trị lịch sử sâu sắc của bao đời, và cũng không thể nói lên giá trị văn hóa tinh túy và thâm sâu của người Trung Quốc.

### **Bắt đầu thay đổi từ quy hoạch, xây dựng và thiết kế cảnh quan**

Từ góc độ quy hoạch, xây dựng và thiết kế cảnh quan trong các đô thị mới có thể thấy những vấn đề: Một là cấu trúc hình thái đô thị lộn xộn, sai lầm lặp lại một cách cứng nhắc; Hai là diện mạo đô thị theo xu hướng đa phong cách, làm mất đi tính đặc sắc vùng miền trong đô thị; Ba là mất đi hình ảnh nhận diện văn hóa đô thị. Trong quá trình đô thị hóa kiểu mới, lãnh đạo các địa phương, các ban ngành có liên quan cần quan tâm, chú trọng đến 3 vấn đề vừa nêu và tích cực tìm kiếm giải pháp để giải quyết những vấn đề được chỉ ra.

Đầu tiên cần phải quan tâm giải quyết vấn

để liên quan đến môi trường sinh thái, xây dựng cấu trúc hình thái đô thị mang tính khoa học, hợp lý. Với mỗi khu vực cần có kế hoạch và chiến lược xây dựng hình thái đô thị đặc trưng, phù hợp, phát huy tiềm năng vùng. Cấu trúc hình thái càng lớn thì càng phải quan tâm đến tài nguyên môi trường, tục ngữ có câu “Sống đâu quen đấy”, việc mở rộng hay thu nhỏ diện tích đô thị đều cần phải chú ý đến điều kiện sống và sản xuất của người dân, đặc biệt là khi điều kiện sản xuất đó lại gắn liền với điều kiện tự nhiên, tài nguyên của vùng. Tài nguyên đất và nước cũng cần phải sử dụng hợp lý, việc sử dụng bừa bãi khiến cho diện tích “đất chết” ngày càng nhiều trong khi đất canh tác của dân thì ngày càng ít, gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp, khủng hoảng lương thực là điều khó tránh khỏi.

Đại hội XVII Đảng Cộng sản Trung Quốc đã chỉ rõ Chính phủ Trung Quốc xác định đô thị hóa là động lực trọng điểm thúc đẩy kinh tế tiếp tục phát triển. Một trong những mục tiêu xây dựng đô thị hóa là xây dựng đô thị “văn minh sinh thái”, tiết kiệm năng lượng, phát triển xanh, phát triển tuần hoàn và phát triển các bon thấp. Đô thị mới cần có môi trường sống hài hòa, sinh thái, nếu như không đảm bảo được nhu cầu sống của người dân thì tất yếu sẽ dẫn đến hiện tượng “di dân” khó kiểm soát, sẽ có những đô thị vắng bóng người và trở nên hoang phế.

Không gian đô thị cũng cần phải được bố trí hợp lý, đặc biệt là quy hoạch cây xanh và mặt nước. Hệ thống không gian đô thị được coi là quy hoạch tốt khi giải quyết được vấn đề kiến trúc không gian và cảnh quan phối hợp một

cách hợp lý, không gian mở, phong cách đô thị mang tính đặc trưng, việc trải nghiệm không gian sống trong đô thị mới đem đến cảm giác dễ chịu cho người dân.

Đối với những kiến trúc mang tính chất sao chép của các nước, lãnh đạo các ban ngành cũng đang tìm giải pháp để quản lý từ khâu thiết kế đến thi công. Đối với các di tích lịch sử, cần tăng cường công tác bảo tồn và trùng tu di tích, việc sửa chữa hay làm mới cũng cần được cân nhắc, xem xét trước khi thực hiện. Những hình ảnh hay chi tiết kiến trúc mang tính phi văn hóa cần phải nghiêm cấm sử dụng. Tăng cường nghiên cứu lịch sử gắn liền với kiến trúc, công tác quy hoạch cần xem xét đến yếu tố lịch sử, cần xây mới thì xây mới, cần giữ lại thì giữ lại, đồng thời cũng phải chú ý đến kết cấu không gian đô thị hợp lý giữa mới và cũ.

Trung Quốc đang đối mặt với sức ép ngày càng gia tăng, bao gồm: Nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên năng lượng và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác, hoàn thiện hệ thống quản lý đô thị, việc làm, giao thông, nhà ở, tính linh hoạt và an toàn trong dịch vụ công cộng xã hội cơ bản, cuộc sống của lao động nông dân vào thành phố làm công, sự già hoá dân số, chuyển đổi loại hình kết cấu kinh tế cũng như ô nhiễm không khí và nước. Trung Quốc làm thế nào để tiếp tục hoàn thành xây dựng đô thị hoá của mình sẽ quyết định kết quả giải quyết cuối cùng những vấn đề này.

**Tống Xuân Hoa**

*Nguồn: <http://www.chinajsb.cn>*

**ND: Quỳnh Anh**



# HỘI THẢO TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ 30 NĂM HỢP TÁC PHÁT TRIỂN GIỮA PHẦN LAN VÀ VIỆT NAM TRONG LĨNH VỰC CẤP THOÁT NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2013



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang phát biểu chào mừng Hội thảo



Các đại biểu dự Hội thảo